

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN MIỀN NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tp.HCM, ngày 17 tháng 04 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**


Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam
Mã chứng khoán: SHP
Địa chỉ trụ sở chính: P.106 Lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa
Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08 3820.7795
Fax: 08 3820.7794
Người thực hiện CBTT: Nguyễn Thành Tú Anh
Địa chỉ: 158/32 Nguyễn Văn Đậu, P7, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM.
Điện thoại: Di động: 0903141474, cơ quan 08 3820.7795 (109)
Fax: 08 3820.7794
Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:
Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2016.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/04/2017 tại đường dẫn www.shp.vn .

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*Tài liệu đính kèm:
Báo cáo thường niên năm
2016.*

Người được ủy quyền công bố thông tin
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Kế Toán Trưởng

Nguyễn Thành Tú Anh



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY
ĐIỆN MIỀN NAM

2016
BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN



Nguồn sáng của mọi nhà

MỤC LỤC

01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	7
Ngành nghề & địa bàn kinh doanh	10
Mô hình quản trị & cơ cấu tổ chức	12
Định hướng phát triển	14
Các rủi ro	16

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Tình hình sản xuất kinh doanh	20
Tổ chức & nhân sự	24
Tình hình đầu tư & thực hiện dự án	27
Tình hình tài chính	28
Cơ cấu cổ đông & thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu	30
Báo cáo phát triển bền vững	31

03

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá về kết quả SXKD	42
Tình hình tài chính	45
Những cải tiến của Công ty	47
Kế hoạch phát triển trong tương lai	48
Trách nhiệm đối với môi trường và xã hội	49

04

BÁO CÁO CỦA HĐQT

Đánh giá về các mặt hoạt động	52
Đánh giá về hoạt động của Ban Giám Đốc	56
Kế hoạch & định hướng	57

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	60
Ban kiểm soát	66
Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích	70

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán	74
Báo cáo tài chính kiểm toán	76

01

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị & cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro







NĂNG LƯỢNG CỦA TRÁCH NHIỆM





CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

SOUTHERN HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

☞ Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam
☞ Tên tiếng Anh	Southern Hydropower Joint Stock Company
☞ Tên viết tắt	SHP JSC
☞ Trụ sở chính	P.106 lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, P. Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
☞ Vốn điều lệ đăng ký	937.102.000.000 đồng
☞ Vốn điều lệ thực góp	937.102.000.000 đồng <i>(chín trăm ba mươi bảy tỷ một trăm lẻ hai triệu đồng)</i>
☞ Giấy CNĐKKD	0303416670, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 05/08/2016
☞ Điện thoại	08 38207795
☞ Fax	08 38207794
☞ Website	www.shp.vn
☞ Mã chứng khoán	SHPP



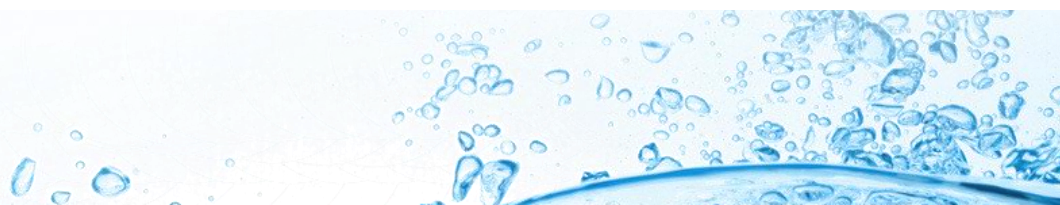
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- ❖ **13/07/2004:** CTCP Thủy Điện Miền Nam được Sở Kế hoạch & Đầu tư cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303416670 (số cũ 4103002486), chính thức đi vào hoạt động với mức vốn điều lệ là 250 tỷ đồng.
- ❖ **24/03/2006:** Công ty thông qua kế hoạch đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Đa M'brì.
- ❖ **23/06/2006:** Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ lên 687 tỷ đồng.

2004 - 2006

- ❖ **25/04/2009:** Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 937,102 tỷ đồng.
- ❖ **20/04/2010:** Công ty hoàn tất các thủ tục phát hành (theo Nghị quyết ĐHCĐ 2009), vốn điều lệ công ty là 770,11 tỷ đồng.
- ❖ **28/05/2010:** ĐHCĐ lần 6 thông qua phương án phát hành 16.698.856 cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 937 tỷ đồng. Việc phát hành cổ phiếu được thực hiện theo 02 đợt.
- ❖ **10/09/2010:** Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên sàn Upcom với mã chứng khoán SHP.
- ❖ **23/12/2011:** Công ty hoàn tất thủ tục phát hành cổ phiếu ra công chúng đợt 1 (theo Nghị quyết ĐHCĐ năm 2010), tăng vốn điều lệ lên thành 853 tỷ đồng.

2009 - 2011





2012 - 2014

- ❖ **Năm 2012:**
 - Thông tuyến hầm dự án công trình thủy điện Đa M'bri.
 - 31/08/2012: Công ty tăng vốn điều lệ lên 937 tỷ đồng
- ❖ **Năm 2013:** Tổ máy số 01 nhà máy Đa M'bri đi vào hoạt động
- ❖ **Năm 2014:**
 - Nhà máy Đa M'bri chính thức phát điện.
 - Sản lượng phát điện đạt mốc 1 tỷ kWh điện.
 - 21/07/2014: Cổ phiếu của Công ty chuyển sang niêm yết trên Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh.
 - Nhà máy Đa Dâng 2 được cấp chứng chỉ CERs.



2015 - 2016

- ❖ **Năm 2015:** Nhà máy thủy điện Đa M'bri chính thức có tên trong danh sách các nhà máy điện trực tiếp tham gia thị trường phát điện cạnh tranh.
- ❖ **05/08/2016:** Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 8



Ngành nghề kinh doanh

- ◆ Sản xuất truyền tải và phân phối điện.
- ◆ Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học.
- ◆ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- ◆ Đào tạo nghề.
- ◆ Sửa chữa thiết bị điện.
- ◆ Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghệ
- ◆ Lắp đặt hệ thống điện.
- ◆ Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.
- ◆ Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.



Địa bàn hoạt động

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty được tiến hành tại các nhà máy thuộc địa bàn tỉnh Lâm Đồng (khu vực Nam Tây Nguyên). Đây là nơi có khí hậu chia thành 2 mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11 và mùa khô bắt đầu từ tháng 12 đến hết tháng 4 năm sau. Mùa mưa kéo dài từ 6 – 7 tháng nên số giờ chạy máy và sản lượng điện phát của các nhà máy ở mức cao tương ứng với công suất lắp đặt. Các nhà máy hiện nay đều đang khai thác nguồn nước từ thượng nguồn các dòng sông/suối gần khu vực, do đó toàn bộ lưu lượng nước đều sẽ được cung cấp cho nhà máy tiến hành sản xuất.

❖ Nhà máy thủy điện Đasiat

Nhà máy thủy điện Đasiat được xây dựng trên suối Đasiat, một nhánh nhỏ bên trái của sông Đồng Nai. Công trình được khởi công từ tháng 6/2005, thuộc địa bàn xã Lộc Bảo (Bảo Lâm), có công suất lắp máy 13,5 MW, sản lượng điện bình quân hàng năm đạt 60 triệu kWh, tổng mức đầu tư sau quyết toán là 339 tỷ đồng.



❖ Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2

Nhà máy Thủy điện Đa Dâng 2 được xây dựng trên sông Đa Dâng, là nhánh chính ở thượng nguồn bờ phải sông Đồng Nai thuộc địa bàn xã Tân Thành được khởi công xây dựng từ đầu năm 2008 với vốn đầu tư sau quyết toán là 498 tỷ đồng; công suất lắp máy 34 MW, sản lượng điện bình quân hàng năm khoảng 152 triệu kWh. Nhà máy có đập dâng đặt tại vị trí cách cửa sông khoảng 4 km theo đường sông. Kênh dẫn nước đến nhà máy thủy điện đặt ở bờ trái sông Đa Dâng tại khu vực ngã ba cửa sông đổ vào sông Đồng Nai.



❖ Nhà máy thủy điện Đa M'brì

Nhà máy Thủy điện Đa M'brì được xây dựng trên dòng chính suối Đa M'brì nằm trên địa bàn của 3 xã là xã Lộc Tân - huyện Bảo Lâm, xã Phước Lộc - huyện Đa Huoai và xã Triệu Hải - huyện Đạ Tẻh tỉnh Lâm Đồng. Đây là nhà máy thủy điện có hồ chứa điều tiết theo năm, đầu nối vào lưới điện Quốc gia bằng đường dây mạch kép 110 KV, công suất 75 MW với sản lượng 338,2 triệu Kwh/năm.





MÔ HÌNH QUẢN TRỊ & CƠ CẤU TỔ CHỨC

Mô hình quản trị



Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam

- ☎ Địa chỉ: P.106 lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- ☎ Điện thoại: 08 38207795
- ☎ Fax: 08 38207794
- ☎ Vốn điều lệ: 937.102.000.000 đồng

Chi nhánh Lâm Đồng

- ☎ Địa chỉ: số 51A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 2, TP Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Nhà máy thủy điện Đa Siat

- ☎ Vị trí: tại thôn 3 thị xã Lộc Bảo, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng
- ☎ Công suất: 13,5MW

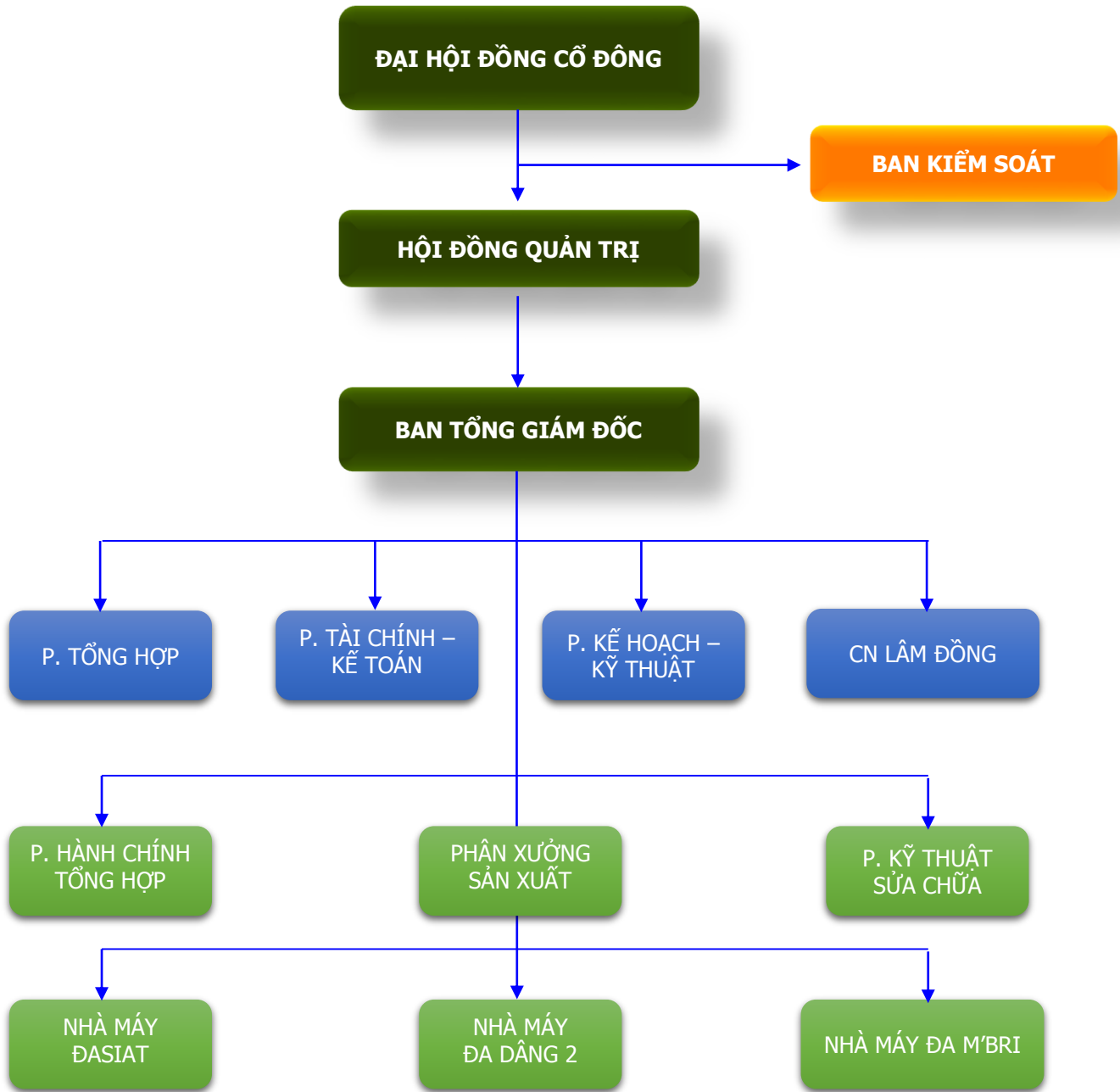
Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2

- ☎ Vị trí: tại xã Tân Thành, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng
- ☎ Công suất: 34MW

Nhà máy thủy điện Đa M'bri

- ☎ Vị trí: nằm trên địa bàn xã Lộc Tân – huyện Bảo Lâm, xã Phước Lộc – huyện Đạ Huoai và xã Triệu Hải – huyện Đạ Tẻh tỉnh Lâm Đồng
- ☎ Công suất: 75MW

Cơ cấu bộ máy quản lý





Các mục tiêu chủ yếu

- ❖ Phát triển SHP thành một nhà đầu tư trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh năng lượng tái tạo tại Việt Nam với trọng tâm đầu tư nguồn năng lượng thủy điện, gió, mặt trời nhằm thực hiện tốt nhất nhiệm vụ cung cấp năng lượng đi kèm với gìn giữ, bảo vệ môi trường.
- ❖ Góp phần đáp ứng ngày càng đầy đủ và ổn định hơn nhu cầu về điện cho sự phát triển bền vững của đất nước nói chung và khu vực miền Nam nói riêng.
- ❖ Tăng cường công tác nghiên cứu, đầu tư cho khoa học – công nghệ, nhân lực chất lượng cao nhằm tạo ra nguồn năng lượng ngày càng hiệu quả và an toàn hơn.
- ❖ Tạo lập một môi trường làm việc thân thiện, thoải mái và chuyên nghiệp để mọi cá nhân có thể phát huy hết khả năng của mình phục vụ cho mục tiêu chung của công ty.
- ❖ Tiếp tục vận hành hiệu quả các nhà máy Đa Siat, Đa Dâng 2 và Đa M'bri. Duy trì công tác bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị. Hạn chế xảy ra sự cố trong mùa mưa và tận dụng lượng nước về để sản xuất điện.





Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- ◆ Tìm kiếm tham gia hoặc chuyển giao đầu tư một số dự án thủy điện vừa và nhỏ.
- ◆ Đầu tư nguồn năng lượng sạch khác như năng lượng gió và năng lượng mặt trời.

Mục tiêu môi trường xã hội và cộng đồng

- ◆ Tích cực tham gia trồng rừng, tái tạo lại đất, môi trường tại khu vực nhà máy Thủy điện Đa Dâng 2 và Đa M'brì theo quy định của Chính Phủ và hướng dẫn của Ủy Ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
- ◆ Thường xuyên tham gia các hoạt động khuyến học tại các huyện, các xã thuộc vùng sâu, vùng xa còn khó khăn như Đa Huoai, Bảo Lâm, Lộc Tân, Đa M'brì,...





CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Theo Tổng cục thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2016 là 6,21%, chỉ số CPI bình quân cả nước đã tăng 4,74% so với năm 2015 nhưng vẫn thấp hơn mức giới hạn 5% được phê duyệt. Tỷ giá VNĐ/USD diễn biến ổn định trong 10 tháng đầu năm 2016 và có sự gia tăng vào 2 tháng cuối năm khi FED chính thức tăng lãi suất. Cán cân thương mại đã chuyển sang mức thặng dư 2,6 tỷ USD so với mức thâm hụt trong năm 2015. Điều này cho thấy sự khởi sắc của nền kinh tế thị trường, góp phần ảnh hưởng tích cực đến hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp trong nước. Là một thành phần của nền kinh tế, Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam cũng không nằm ngoài sự ảnh hưởng và chi phối bởi tình hình kinh tế đất nước nói chung và sự phát triển của ngành nói riêng.

Như đã biết, một yếu tố đầu vào rất quan trọng của hầu hết các doanh nghiệp chính là năng lượng điện. Sự phát triển hay suy thoái của nền kinh tế đều tác động đến nhu cầu sử dụng năng lượng. Tuy nhiên, đối với nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam, sau nhiều năm thiếu hụt đầu tư phát triển điện năng, sức cầu luôn vượt sức cung ngay cả trong hoàn cảnh suy thoái kinh tế thế giới những năm 2008 và 2009. Điều này cho thấy nhu cầu sử dụng điện là rất lớn kể cả trong điều kiện kinh tế đang ổn định hay gặp khủng hoảng. Do đó, rủi ro về kinh tế sẽ không tác động nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian sắp tới.



Rủi ro về pháp luật

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh nên mọi hoạt động của Công ty đều chịu sự ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật xây dựng, Luật đất đai, các quy định về môi trường và các văn bản luật liên quan khác. Trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách, pháp luật sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro về luật pháp đối với ngành điện không cao bởi đây là ngành được Nhà nước khuyến khích đầu tư cũng như được ưu đãi về thuế nếu có hoạt động tại các địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Rủi ro đặc thù

Rủi ro về điều kiện thời tiết

Đây là loại rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng rất lớn đến những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thủy điện. Sản lượng phát điện và hiệu quả hoạt động của nhà máy phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn nước chảy vào các hồ chứa. Trong trường hợp hạn hán kéo dài dẫn đến lượng mưa giảm làm cho lưu lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế, điều đó đã ảnh hưởng tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy bị giảm sút. Ngoài ra, các thiên tai khác như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về đường sá và các công trình đê đập của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và làm gia tăng chi phí sửa chữa. Tình hình cung ứng điện thay đổi theo mùa khô và mùa mưa, tác động đến kết quả kinh doanh của Công ty. Vì vậy, rủi ro về thời tiết vẫn tồn tại trong toàn bộ thời gian hoạt động của Công ty.

Để hạn chế rủi ro, Công ty thường xuyên cập nhật những dự báo khí hậu và thủy văn để có những phương án dự phòng nhằm đảm bảo sản lượng sản xuất trong trường hợp xấu nhất và hạn chế tối đa những chi phí phát sinh. Ngoài ra, Công ty cũng chuẩn bị những phương án phòng chống bão lụt, phương án bảo vệ an toàn đập, phương án phòng chống lũ lụt vùng hạ du nhằm giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với các công trình đê đập, đường dây truyền tải điện của nhà máy và thực thi có hiệu quả các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái.

Rủi ro về an toàn lao động

Trong quá trình quản lý vận hành nhà máy thủy điện, với điều kiện lao động trong môi trường điện – cơ khí – thủy lực thì đe dọa tai nạn lao động là điều không thể tránh khỏi. Để hạn chế những rủi ro này, Công ty đã trang bị cho người lao động những đồ bảo hộ khi làm việc, đáp ứng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể. Ngoài ra, toàn thể nhân viên trong công ty đều được huấn luyện kiểm tra sát hạch an toàn, luôn tuân thủ triệt để các quy trình, tài liệu kỹ thuật, tổ chức giám sát an toàn trước, trong và sau quá trình vận hành. Các nhà máy thủy điện đều được lắp đặt hệ thống đảm bảo ngăn ngừa sự cố hoặc tai nạn xảy ra.

Rủi ro độc quyền

Cũng như các doanh nghiệp ngành điện khác, SHP chịu sự ràng buộc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). Hầu như EVN có vị thế độc quyền hoàn toàn trong ngành, do đó các doanh nghiệp vẫn còn gặp nhiều bất cập trong việc phát triển như:

- ❖ Chưa có cơ chế giá bán điện cho từng loại nhà máy dẫn đến việc đàm phán, ký kết các hợp đồng mua bán điện từ các nguồn điện mới ngoài EVN gặp nhiều khó khăn, thường kéo dài qua nhiều khâu.
- ❖ Giá bán điện phụ thuộc vào tình hình tài chính của EVN, do đó xuất hiện nguy cơ giá bán điện do EVN đề xuất thấp hơn mức mong đợi.
- ❖ Việc độc quyền của EVN ít nhiều gây hạn chế trong việc thu hút vốn đầu tư tư nhân, đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành điện, do đó gây ảnh hưởng cho việc phát triển ngành điện, vốn yêu cầu chi phí đầu tư rất lớn.
- ❖ Ngoài ra việc Công ty được Trung tâm điều độ A0 xếp lịch phát điện vào giờ cao điểm, thấp điểm hay giờ bình thường quyết định giá bán điện cao hay thấp, ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty.

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

- Tình hình sản xuất kinh doanh
- Tổ chức & nhân sự
- Tình hình đầu tư & thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông
- Báo cáo phát triển bền vững

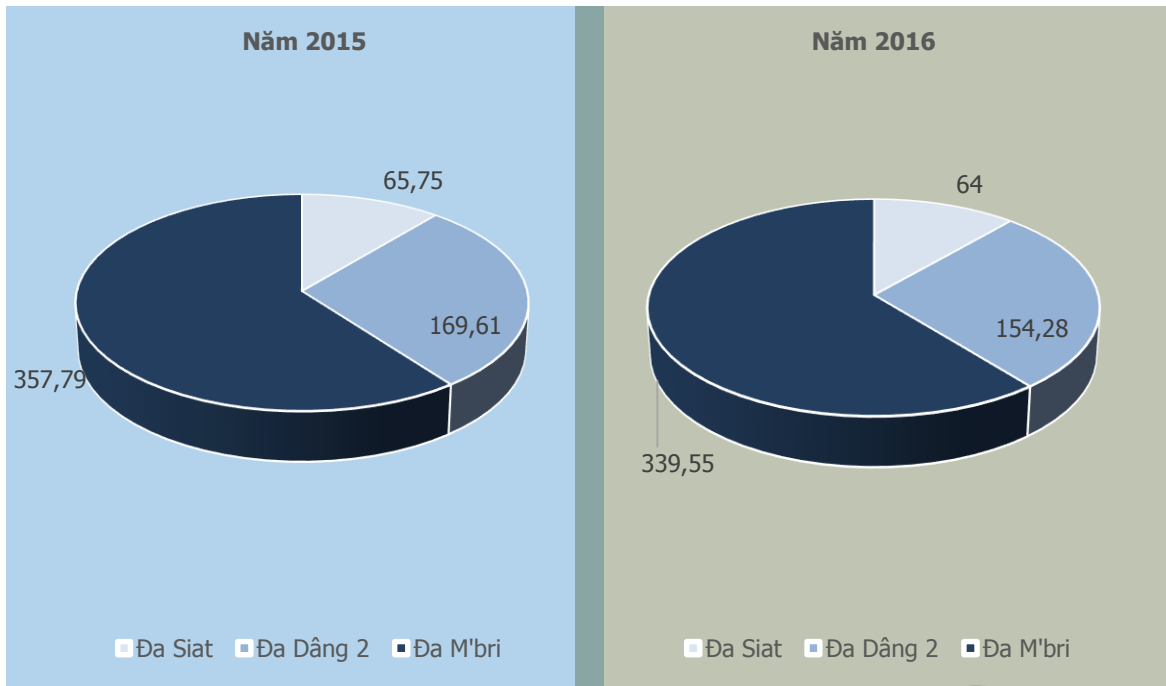




TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Sản lượng điện sản xuất

Nhà máy	ĐVT	TH 2015	TH 2016	KH 2016	TH 2016/2015	2016 TH/KH
Đasiat	Triệu kWh	65,75	64,00	65,00	97,34%	98,46%
Đa Dâng 2	Triệu kWh	169,61	154,28	182,00	90,96%	84,77%
Đa M'bri	Triệu kWh	357,79	339,55	355,00	94,90%	95,65%
Tổng cộng	Triệu kWh	591,15	557,83	602,00	94,36%	92,66%





Hoạt động sản xuất tại các nhà máy

Năm 2016 được dự báo là năm có nhiều động về khí hậu, hiện tượng El Nino từ năm 2015 kéo dài trong lịch sử, mưa lũ bất thường liên tục và kéo dài nhiều ngày. Trong cao điểm cuối mùa khô 2016 các hồ thủy điện cả nước đồng loạt xả lũ đồng nghĩa với giá thị trường điện xuống thấp, giá thị trường điện xuống thấp đặc biệt trong quý IV dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh của các nhà máy Đa Dâng 2 và Đa M'ri không đạt được như kế hoạch đề ra trong năm 2016.

Nhà máy Đasiat:

- ◆ Sản lượng điện thực hiện 64 triệu kWh bằng 97,34% so với cùng kỳ năm 2015, bằng 98,46% kế hoạch 2016.
- ◆ Giá bán điện bình quân: 1.065,50 đồng/kWh (cùng kỳ năm 2015 1.048,60 đồng/kWh).
- ◆ Doanh thu thực hiện 68,19 tỷ đồng bằng 95,74% so với cùng kỳ năm 2015, bằng 97,98% kế hoạch 2016.

Nhà máy Đa Dâng 2:

- ◆ Sản lượng điện thực hiện 154,27 triệu kWh bằng 91,0% so với cùng kỳ năm 2015, bằng 84,4% kế hoạch 2016.
- ◆ Giá bán điện bình quân: 749,40 đồng/kWh (cùng kỳ năm 2015 759,20 đồng/kWh, giá bình quân theo hợp đồng 720,50 đồng/kWh).
- ◆ Doanh thu thực hiện 115,62 tỷ đồng bằng 89,10% so với cùng kỳ năm 2015, bằng 82,88% kế hoạch 2016. Doanh thu tăng thêm từ thị trường điện là 1,70 tỷ đồng (cùng kỳ năm 2015 7,60 tỷ đồng).

Nhà máy Đa M'ri:

- ◆ Sản lượng điện thực hiện 339,55 triệu kWh bằng 94,90% so với cùng kỳ năm 2015, bằng 95,65% kế hoạch 2016.
- ◆ Giá bán điện bình quân: 969,4 đồng/kWh (cùng kỳ năm 2015 1.100,4 đồng/kWh, giá hợp đồng từ tháng 1-6: 996,48, từ tháng 7-12: 1.017,2 đồng/kWh).
- ◆ Doanh thu thực hiện 329,10 tỷ đồng bằng 83,61% so với cùng kỳ năm 2015, bằng 88,29% kế hoạch 2016. Doanh thu thấp hơn so với giá hợp đồng là 15,20 tỷ đồng khi tham gia thị trường điện (cùng kỳ năm 2015 tăng 35,70 tỷ đồng so với giá hợp đồng).

Kết quả kinh doanh của Công ty

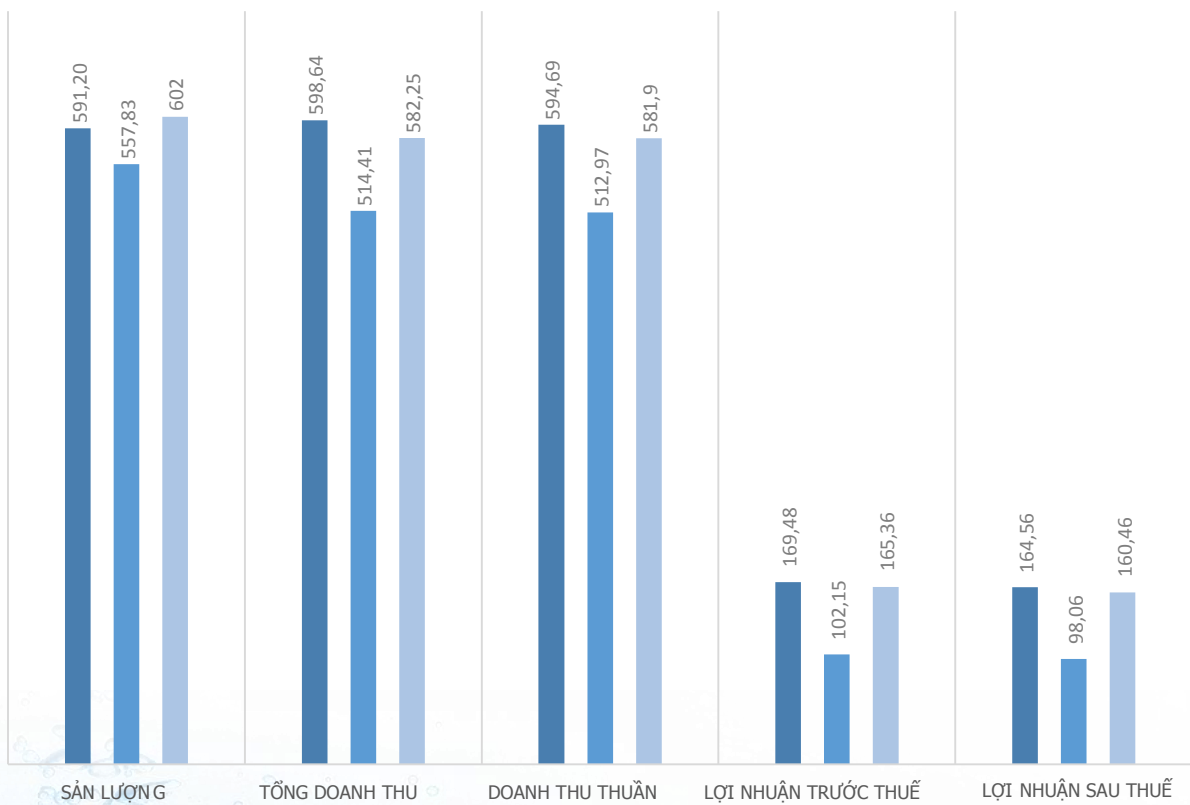
Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2015	TH 2016	KH 2016	% TH 2016/2015	% TH/KH 2016
Sản lượng	Triệu kWh	591,20	557,83	602,00	94,35%	92,66%
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	598,64	514,41	582,25	85,93%	88,35%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	594,69	512,97	581,90	86,26%	88,15%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	169,48	102,15	165,00	60,27%	61,77%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	164,56	98,06	160,00	59,59%	61,29%

- ◆ Tổng sản lượng phát điện năm 2016 là 557,83 triệu kWh bằng 94,35% so với cùng kỳ năm 2015, đạt tương đương 92,65% kế hoạch năm 2016.
- ◆ Tổng doanh thu năm 2016 là 514,41 tỷ đồng giảm 14,07% so với năm 2015 và đạt 88,35% kế hoạch đề ra.
- ◆ Lợi nhuận trước thuế năm 2016 đạt 102,15 tỷ đồng, tương đương 60,27% so với cùng kỳ năm trước và 61,77% kế hoạch năm 2016.
- ◆ Lợi nhuận sau thuế năm 2016 đạt 98,06 tỷ đồng, tương đương 59,5% so với cùng kỳ năm 2015 và bằng 61,29% kế hoạch năm 2016.

Kết quả kinh doanh của công ty năm 2016 dựa trên kết quả sản xuất tổng hợp của 03 nhà máy mà SHP đang quản lý. Nhìn chung, do tình hình thời tiết không thuận lợi, giá trần thị trường điện thấp hơn năm 2015, tình hình sản xuất kinh doanh năm 2016 của công ty có phần sụt giảm cũng như không hoàn thành kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

■ TH 2015 ■ TH 2016 ■ KH 2016





Thành viên Ban Giám đốc

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Vĩnh Châu	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Nguyễn Thành Tú Anh	Kế toán trưởng

Thông tin về Ban Giám đốc

ÔNG NGUYỄN VĂN THỊNH
TỔNG GIÁM ĐỐC

ÔNG NGUYỄN VĨNH CHÂU
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày sinh : 18/01/1955

Nơi sinh : Biên Hòa

Địa chỉ : Căn hộ D2, Chung cư
Thế hệ mới, 17 Hồ Hào
Hớn, Phường Cô Giang,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**Trình độ
chuyên môn** : Kỹ sư Điện

**Số cổ phiếu
nắm giữ** : 275.000 cổ phiếu

Tỷ lệ : 0,2934% vốn điều lệ

Ngày sinh : 10/08/1961

Nơi sinh : Tiền Giang

Địa chỉ : 30/11D Phan Huy Ích, Gò
Vấp, TP. Hồ Chí Minh

**Trình độ
chuyên môn** : Kỹ sư Thủy lợi

**Số cổ phiếu
nắm giữ** : 93.250 cổ phiếu

Tỷ lệ : 0,0995% vốn điều lệ



**ÔNG NGUYỄN DŨNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ngày sinh	: 19/11/1957
Nơi sinh	: Đà Nẵng
Địa chỉ	: Khu phố 4, Phường Tấn Tài, Tp Phan Rang – Tháp Chàm, Ninh Thuận
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Điện
Số cổ phiếu nắm giữ	: 1.520 cổ phiếu
Tỷ lệ	: 0,0002% vốn điều lệ

**BÀ NGUYỄN THÀNH TÚ ANH
KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Ngày sinh	: 11/05/1977
Nơi sinh	: Khánh Hòa
Địa chỉ	: 158/32 Nguyễn Văn Đậu, Phường 7, Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kinh tế
Số cổ phiếu nắm giữ	: 0 cổ phiếu
Tỷ lệ	: 0,00% vốn điều lệ



Những thay đổi trong Ban Giám đốc trong năm

Không có

Tình hình nhân sự trong năm

STT	Tính chất phân loại	Số lượng 2016 (người)	Tỷ trọng
A	Theo trình độ	122	100%
1	Trên Đại học	2	1,64%
2	Đại học	45	36,89%
3	Cao đẳng	23	18,85%
4	Trung học chuyên nghiệp	22	18,03%
5	Sơ cấp và CN kỹ thuật	27	22,13%
6	Lao động phổ thông	3	2,46%
B	Theo đối tượng lao động	122	100%
1	Lao động trực tiếp	56	45,90%
2	Lao động gián tiếp	66	54,10%
C	Theo tính chất hợp đồng lao động	122	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	22	18,03%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	100	81,97%
D	Theo giới tính	122	100%
1	Nam	106	86,89%
2	Nữ	16	13,11%





Tình hình biến động lao động trong năm 2016

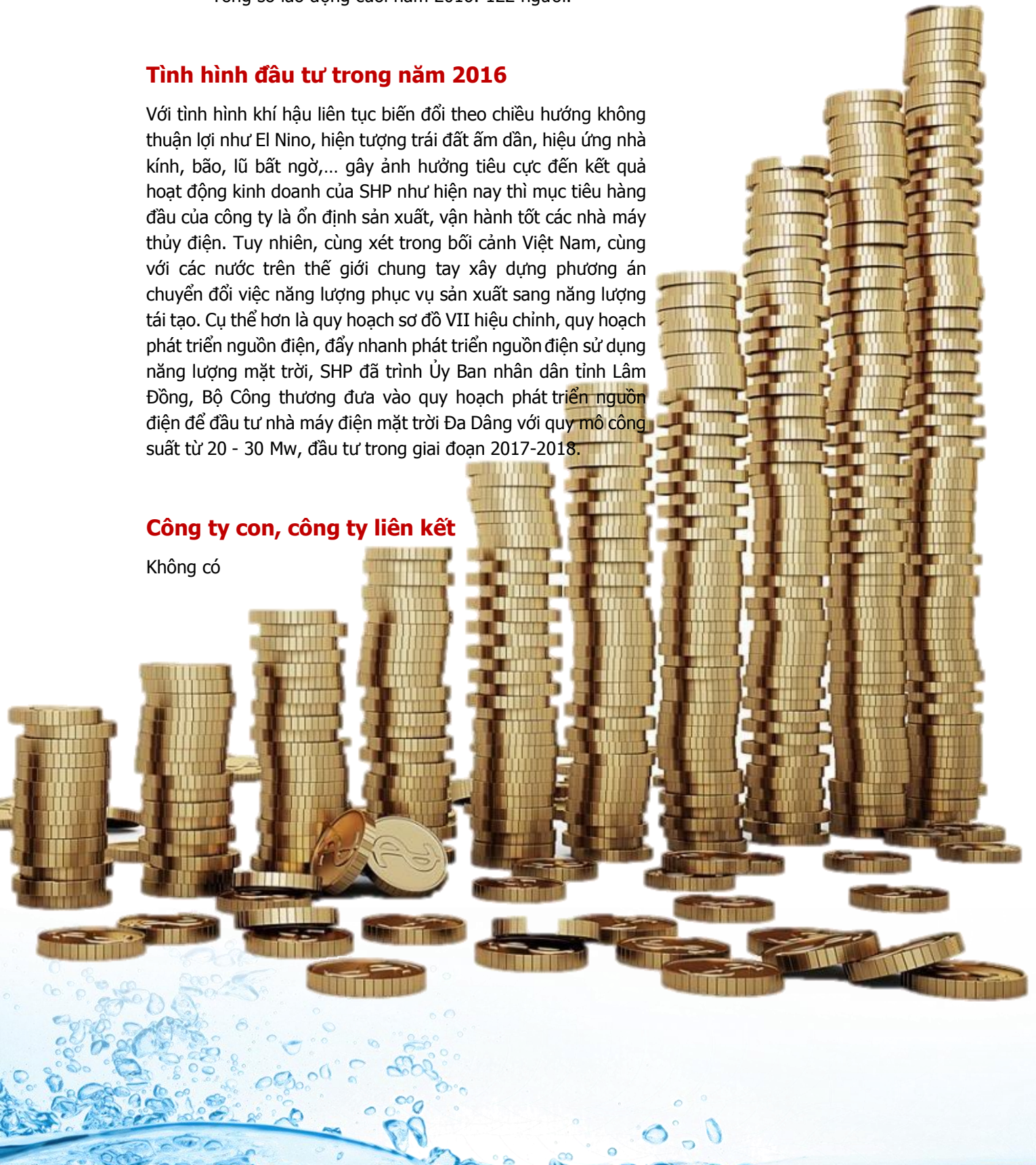
- Tổng số lao động đầu năm 2016: 117 người.
- Lao động phát sinh tăng trong năm: 5 người.
- Tổng số lao động cuối năm 2016: 122 người.

Tình hình đầu tư trong năm 2016

Với tình hình khí hậu liên tục biến đổi theo chiều hướng không thuận lợi như El Nino, hiện tượng trái đất ấm dần, hiệu ứng nhà kính, bão, lũ bất ngờ,... gây ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả hoạt động kinh doanh của SHP như hiện nay thì mục tiêu hàng đầu của công ty là ổn định sản xuất, vận hành tốt các nhà máy thủy điện. Tuy nhiên, cùng xét trong bối cảnh Việt Nam, cùng với các nước trên thế giới chung tay xây dựng phương án chuyển đổi việc năng lượng phục vụ sản xuất sang năng lượng tái tạo. Cụ thể hơn là quy hoạch sơ đồ VII hiệu chỉnh, quy hoạch phát triển nguồn điện, đẩy nhanh phát triển nguồn điện sử dụng năng lượng mặt trời, SHP đã trình Ủy Ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Bộ Công thương đưa vào quy hoạch phát triển nguồn điện để đầu tư nhà máy điện mặt trời Đa Dâng với quy mô công suất từ 20 - 30 Mw, đầu tư trong giai đoạn 2017-2018.

Công ty con, công ty liên kết

Không có





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	2.912,98	2.645,69	-9,18%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	598,64	514,41	-14,07%
3	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	594,69	512,97	-13,74%
4	Lợi nhuận từ HĐKD	Tỷ đồng	173,84	101,61	-41,55%
5	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	(4,35)	0,54	-
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	169,48	102,15	-39,73%
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	164,56	98,06	-40,41%
8	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	%	16%	(*) 16%	-
9	EPS	Đồng	1.673	1.005	-39,93%

(*) Kế hoạch năm 2016, ĐHCĐ thường niên năm 2017 thông qua kế hoạch chính thức

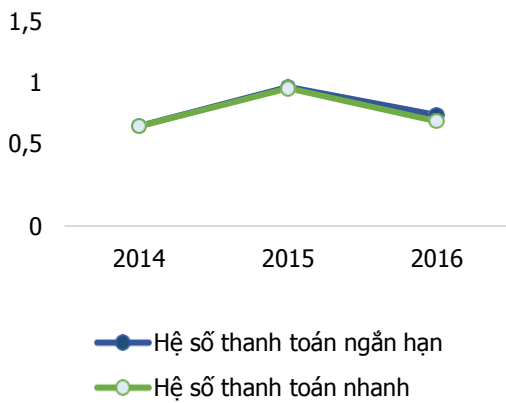
Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,66	0,96	0,74
-	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,66	0,95	0,69
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
-	Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	61,89%	57,54%	55,50%
-	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	162,38%	135,49%	124,73%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
-	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	155,95	103,34	32,28
-	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,19	0,20	0,19
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ DTT	%	36,95%	27,67%	19,12%
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ VCSH	%	18,04%	13,30%	8,33%
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ TTS	%	6,88%	5,65%	3,71%
-	Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ DTT	%	37,96%	29,23%	19,81%

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Trong năm 2016, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của Công ty lần lượt là 0,74 và 0,96. Cả 2 chỉ tiêu này đều giảm so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chính là do khoản phải thu ngắn hạn đã tăng gần 20 tỷ, chủ yếu đến từ khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, cụ thể là Công ty Mua Bán Điện dẫn đến khả năng thanh toán trong ngắn hạn gặp khó khăn.

Khả năng thanh toán
ĐVT: lần

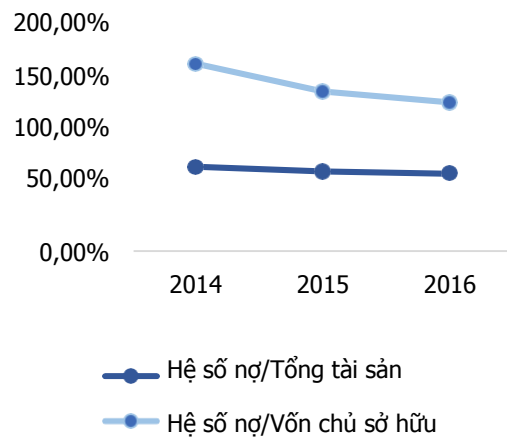


Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số nợ/Tổng tài sản có xu hướng giảm xuống từ 57,54% năm 2015 xuống còn 55,5% trong năm 2016. Điều này cho thấy công ty trong năm đã có sự thay đổi về cơ cấu vốn, cụ thể việc

Công ty đã quyết toán khoản vay từ Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng, đồng thời đã sửa đổi bổ sung hợp đồng vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam với mức lãi suất vay là 7,5% trong vòng 12 tháng.

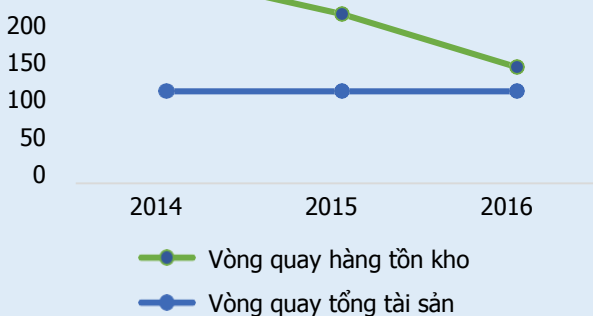
Cơ cấu vốn
ĐVT: %



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho trong năm 2016 giảm từ 103,34 vòng xuống 32,28 vòng chủ yếu là do sự tăng mạnh của hàng tồn kho so với năm 2015, cụ thể tăng từ 3,35 tỷ đồng lên 13,64 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do công cụ, dụng cụ, thiết bị và phụ tùng của nhà máy thủy điện Đa Dâng 2.

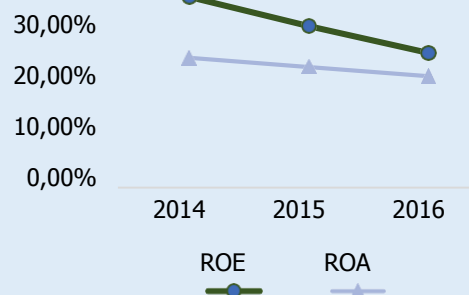
Năng lực hoạt động
ĐVT: vòng



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Trong năm 2016, hầu hết các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty đều giảm so với những năm trước. Nguyên nhân là do có nhiều biến động xấu từ thiên nhiên làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất của công ty. Vì vậy, cả doanh thu và lợi nhuận đều có dấu hiệu giảm sút khiến cho kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2016 không đạt được như mong đợi.

Khả năng sinh lợi
ĐVT: %





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI TRONG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thông tin về cổ phần

💧	Vốn điều lệ	: 937.102.000.000 đồng
💧	Tổng số cổ phiếu phát hành	: 93.710.200 cổ phiếu
💧	Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	: 93.710.200 cổ phiếu
💧	Số cổ phiếu quỹ	: 0 cổ phiếu
💧	Loại cổ phần	: Cổ phần phổ thông
💧	Mệnh giá	: 10.000 đồng

Cơ cấu cổ đông 2016 theo loại hình sở hữu

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	90.248.250	902.482,50	96,31%
	Cổ đông lớn	55.775.248	557.752,48	59,52%
	Cổ đông tổ chức	9.631.244	96.312,44	10,28%
	Cổ đông cá nhân	24.841.758	248.417,58	26,51%
II	Cổ đông nước ngoài	3.461.950	34.619,50	3,69%
	Cổ đông tổ chức	3.375.240	33.752,40	3,60%
	Cổ đông cá nhân	86.710	867,10	0,09%
	Tổng cộng	93.710.200	937.102	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty trong năm 2016 không có sự thay đổi so với năm 2015

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Các chứng khoán khác

Không có

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Nguyên liệu sản xuất

Kinh doanh đặc thù trong lĩnh vực thủy điện, SHP không phát sinh chi phí cho nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất trực tiếp vì nguyên liệu chủ yếu mà công ty sử dụng để tạo ra sản phẩm là nước từ các sông, suối ngay tại địa phương có nhà máy thủy điện; vì vậy, chi phí đầu vào cho nguyên liệu gần như không phát sinh. Về đầu ra, sản phẩm của công ty là năng lượng, do đó sản phẩm sau khi sản xuất được truyền tải trực tiếp vào hệ thống điện lưới quốc gia, không phát sinh chi phí bao bì đóng gói sản phẩm.

Tiêu thụ nước

Như đã đề cập, SHP sử dụng nguồn nước đồng thời là nguồn đầu vào để sản xuất điện, hiện tại SHP đầu tư tổng cộng 03 nhà máy thủy điện, chủ yếu tại khu vực Nam Tây Nguyên. Nhìn chung, hệ thống sông ngòi ở vùng Tây Nguyên có nhiều tiềm năng về thủy điện nên việc khai thác nguồn cung cấp nước cho Công ty ít gặp khó khăn. Cụ thể, nguồn cung cấp nước cho SHP là phụ lưu sông Đồng Nai và các nhánh suối khác thuộc lưu vực Sông Đồng Nai. Tuy nhiên, việc xây dựng các công trình thủy điện có thể làm thay đổi chế độ dòng chảy, gây tác động một phần môi trường tự nhiên cũng như môi trường kinh tế xã hội trong khu vực dự án.

Nguồn cung cấp nước cho các nhà máy có thể tóm tắt như sau:

Nhà máy Đa Siat

Thủy điện Đa Siat được xây dựng trên dòng chính suối Đa Siat, một nhánh bờ trái sông Đồng Nai, Cửa suối Đa Siat ở hạ lưu công trình thủy điện Đồng Nai 3 & 4 và thượng lưu công trình thủy điện Đồng Nai 5, địa điểm dự án tại thôn 3 - Lộc Bảo, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, cách thành phố Bảo Lộc 70km theo đường bộ.

Nhà máy Đa Dâng 2

Thủy điện Đa Dâng 2 được xây dựng trên sông Đa Dâng có đập dâng đặt tại vị trí cách cửa sông khoảng 4 km theo đường sông. Kênh dẫn nước đến nhà máy thủy điện đặt ở bờ trái sông Đa Dâng tại khu vực ngã ba cửa sông Đa Dâng đổ vào sông Đồng Nai.

Nhà máy Đa M'brì

Thủy điện Đa M'brì được xây dựng trên dòng chính suối Đa M'brì nằm trên địa bàn xã Lộc Tân - huyện Bảo Lâm, xã Phước Lộc - huyện Đa Huoai và xã Triệu Hải - huyện Đạ Tẻh tỉnh Lâm Đồng. Đuôi hồ Đa M'brì cách thác du lịch Đa M'brì khoảng 8km về phía hạ lưu. Suối Đa M'brì là một trong hai nhánh chính của sông Đa Huoai một phụ lưu trái của Sông Đồng Nai.

Tổng kết tình hình tiêu thụ nước trong năm 2016

Các nguồn nước	Tổng lượng nước thu về/đạt được (ĐVT: m ³)
Suối Đasiat cung cấp nước cho Nhà máy Đasiat	156.067.776
Suối Đa Dâng 2 cung cấp nước cho Nhà máy Đa Dâng 2	990.307.296
Suối Đa M'brì cung cấp nước cho Nhà máy Đa M'brì	392.630.112
Tổng cộng	1.539.005.184

Loại hoạt động	Tổng lượng nước sử dụng (ĐVT: m ³)
Sử dụng phát điện	1.204.740.000
Nhà máy Đasiat	112.402.080
Nhà máy Đa Dâng 2	737.682.336
Nhà máy Đa M'brì	354.655.584
Sử dụng cho sinh hoạt (m³)	159

Tiêu thụ năng lượng

Để vận hành các thiết bị tại nhà máy, cũng như quản lý tại các văn phòng, Công ty sử dụng nguồn năng lượng chủ yếu từ điện năng. Tổng sản lượng điện dùng cho sản xuất và quản lý tại văn phòng trong năm qua là 2.753.442 kWh.

Ngoài ra, trong quá trình hoạt động, SHP còn sử dụng một số năng lượng thiết yếu khác như xăng, dầu cho quá trình vận chuyển, gas và khí đốt,...



Là đơn vị sản xuất năng lượng, SHP ý thức được việc thực thi tiết kiệm năng lượng, không chỉ trong quá trình sản xuất nhằm đảm bảo lợi ích công ty mà còn tiết kiệm trong cả quá trình quản lý với mục tiêu càng tiết giảm thất thoát là càng góp phần làm xanh môi trường.

Trong năm 2016, việc tổn thất do tự dùng, tổn thất máy biến áp và truyền tải tại các nhà máy được tổng kết như sau: Nhà máy Đa Siat 6%, Nhà máy Đa Dâng 2 và Đa M'bri 1%.

Tình hình tiêu thụ năng lượng trong năm 2016 tại SHP với hầu hết các chỉ tiêu đều được tiết giảm thể như sau:

Tổng năng lượng sử dụng phân loại theo từng nguồn	Năm 2015	Năm 2016
Điện dùng trong sản xuất (kWh)	2.914.180	2.729.686
Tổng năng lượng tiêu thụ (kWh)	2.914.180	2.729.686
Điện dùng trong quản lý văn phòng (kWh)	23.774	23.756
Tổng năng lượng tiêu thụ (kWh)	23.774	23.756
Xăng, Dầu,... trong sản xuất (lít)	720	100
Tổng năng lượng tiêu thụ (lít)	720	100
Xăng, Dầu,... trong quản lý văn phòng (lít)	33.663	31.924
Tổng năng lượng tiêu thụ (lít)	33.663	31.924
Gas, Khí đốt,... trong sản xuất (40 lít khí oxy/bình)	560	200
Tổng năng lượng tiêu thụ (40 lít khí oxy/bình)	560	200



Chính sách liên quan đến người lao động

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016	% tăng/giảm
Số lượng cán bộ/nhân viên	Người	117	122	4,27%
Thu nhập bình quân	Triệu đồng/người/tháng	16,87	16,89	0,12%

Chính sách tuyển dụng

Trong năm 2016, SHP đã ban hành và áp dụng Quy định mới về tuyển dụng lao động. Công tác tuyển dụng của SHP được thực hiện gắn với kế hoạch kinh doanh, thực hiện theo mục tiêu và yêu cầu phát triển hàng năm. Thông tin tuyển dụng được đăng tuyển công khai, đảm bảo tính công bằng, tạo cơ hội bình đẳng cho mọi ứng viên và thực hiện theo đúng quy trình tuyển dụng của SHP.



TEAM

Chính sách đào tạo

Trong năm 2016, SHP đã ban hành và áp dụng Quy định mới về hoạt động đào tạo cho người lao động. Công tác đào tạo được SHP coi trọng, người lao động tại SHP luôn được tạo điều kiện để học tập nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn nghiệp vụ. SHP thường xuyên tổ chức để người lao động tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, chính sách thuế, các khóa học dành cho cán bộ lãnh đạo, quản lý; đào tạo cho lực lượng sửa chữa, vận hành và đào tạo cho công tác thị trường điện. Trong năm 2016, SHP đã phối hợp với Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia đào tạo và thi trường ca cho một số nhân sự thuộc các nhà máy.



JOIN OUR



Chính sách tiền lương

Với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm công tác, gắn bó dài lâu, chính sách tiền lương của SHP được xem trọng và luôn được cải tiến, hoàn thiện.

Thực hiện quy định của pháp luật về lao động, từ giữa năm 2014, Công ty đã phối hợp với đơn vị tư vấn để thực hiện nghiên cứu, đánh giá lại lao động để xây dựng và ban hành hệ thống thang bảng lương cùng với quy chế chi trả tiền lương, quy chế nâng bậc lương mới. Theo đó, Người lao động trong Công ty được trả lương theo vị trí chức danh, dựa trên đánh giá tính chất, mức độ phức tạp của từng vị trí công tác và được tính lương theo năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc. Quy định về hệ thống thang bảng lương và quy chế chi trả tiền lương, quy chế nâng bậc lương mới đã được Công ty tổ chức lấy ý kiến và nhận được sự đồng thuận của Ban chấp hành Công đoàn và người lao động trong Công ty trước khi ban hành và áp dụng từ 01/01/2016.

Việc thanh toán lương được thực hiện đúng hạn, Công ty thực hiện thông báo chi tiết lương tháng qua email đến từng người lao động, qua đó người lao động có thể biết được thông tin đầy đủ, nhanh chóng, kịp thời về cách tính lương, các khoản được trừ trong lương: thuế thu nhập cá nhân, các khoản trích đóng bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp. Định kỳ hàng năm Công ty đều tổ chức thi và xét nâng bậc lương cho người lao động đủ điều kiện nâng bậc lương theo quy chế đã ban hành.

Chính sách phúc lợi và khen thưởng

Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách phúc lợi như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thất nghiệp, chế độ nghỉ phép, ốm đau, hiếu hỉ...cho người lao động. Định kỳ hàng năm, Công ty đều tổ chức cho người lao động được đi tham quan, du lịch nghỉ dưỡng; tổ chức các hoạt động thể thao, văn hóa, văn nghệ; tổ chức thăm hỏi, động viên người lao động bị ốm đau, có hoàn cảnh khó khăn; khen thưởng thành tích trong học tập cho con em người lao động; tổ chức các hoạt động chung vì cộng đồng....

Công ty thực hiện chế độ thưởng vận hành an toàn các nhà máy thủy điện cho người lao động (đây là khoản phụ cấp đặc thù ngành nghề theo quyết định của Thủ tướng chính phủ áp dụng cho lực lượng quản lý và vận hành các nhà máy điện). Công ty cũng thực hiện chi thưởng cho người lao động vào các ngày Lễ lớn trong năm, thưởng tháng lương 13. Trong năm 2016, Công ty đã khen thưởng 11 sáng kiến của người lao động về cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa trong sản xuất, chuyên môn nghiệp vụ.



Môi trường làm việc

Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật lao động về thời giờ làm việc, thời gian nghỉ ngơi. Đối với lực lượng gián tiếp làm việc 40 giờ/tuần, 8 giờ/ngày (nghỉ thứ 7, chủ nhật). Đối với lực lượng lao động trực tiếp vận hành làm việc theo lịch trực ca sản xuất 5 ngày/tuần (nhưng đảm bảo được nghỉ tối thiểu 2 ngày/tuần).

Để tạo điều kiện cho từng cá nhân người lao động có điều kiện phát huy hết khả năng, phục vụ công việc chung, SHP luôn tạo môi trường làm việc thân thiện, năng động, chuyên nghiệp. Các chính sách của Công ty luôn hướng về tinh thần đoàn kết giữa Ban điều hành với người lao động cũng như giữa người lao động với nhau. Điều này giúp cho tinh thần làm việc của người lao động trong công ty luôn đạt hiệu suất cao nhất.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Song song với việc phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty cũng mong muốn đem lại lợi ích cho xã hội, cộng đồng bằng những việc làm cụ thể như:

- ❖ Chương trình "Cây mùa xuân cho trẻ em nghèo năm 2016" tại huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng do Báo Tuổi trẻ Lâm Đồng tổ chức;
- ❖ Ủng hộ tiền lương một ngày công cho Quỹ tương trợ của Công đoàn điện lực Việt Nam;
- ❖ Ủng hộ hoạt động gây quỹ giúp đỡ các Hội viên Hội cựu TNXP Quận 1, TP. Hồ Chí Minh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.
- ❖ Tặng quà cho các em học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn Trường mầm non tại xã Lộc Bảo, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.
- ❖ Ủng hộ tiền lương một ngày công cho đồng bào Miền Trung khắc phục thiên tai.
- ❖ Tặng quà cho các em tại Cơ sở bảo trợ mái ấm tình thương Lagi, Bình Thuận.



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm 2016, Công ty không có trường hợp nào vi phạm về pháp luật bảo vệ môi trường. Hàng năm, Công ty tham gia trồng rừng, bảo vệ rừng đầu nguồn, tái tạo môi trường tại các khu vực nhà máy thủy điện của Công ty, thực hiện nộp thuế tài nguyên và phí dịch vụ bảo vệ rừng theo đúng quy định của pháp luật.

Các nhà máy thủy điện của SHP ngoài việc sản xuất và cung cấp điện năng còn có vai trò điều tiết dòng chảy các sông suối trên địa bàn đặt các nhà máy. Đặc biệt, nhà máy Đa Dâng 2 có hệ thống kênh dẫn nước dài 23 Km của tuyến năng lượng chạy ngang vùng sản xuất nông nghiệp đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc tưới tiêu canh tác 400 ha trên tổng số 1.000 ha đất sản xuất nông nghiệp của xã Tân Thành – Huyện Đức Trọng – Tỉnh Lâm Đồng. SHP đã xây dựng và phát triển dự án theo cơ chế sạch (CDM) của Ủy ban biến đổi khí hậu Liên Hiệp Quốc, SHP đã đăng ký thành công cả 03 nhà máy Thủy điện Đa Siat, Đa Dâng 2, Đa M'brì thành các dự án theo cơ chế phát triển sạch, tổng chỉ tiêu giảm phát thải hàng năm là 311.515 tấn CO₂. Tích lũy đến nay, SHP đã có khối lượng giảm phát thải khoảng 1.050.000 tấn CO₂ (CERs) trong đó ngày 07/11/2014 Ban chấp hành quốc tế về cơ chế phát triển sạch (EB) đã chính thức cấp chứng chỉ giảm phát thải nhà kính ở giai đoạn tín dụng đầu tiên cho Dự án nhà máy Thủy điện Đa Dâng 2 với khối lượng 212.197 CERs.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh

Hiện tại công ty chưa thực hiện báo cáo này do chưa có hướng dẫn cụ thể của UBCKNN.



03

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến của công ty
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Trách nhiệm về môi trường và xã hội





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Đặc thù ngành thủy điện không có chi phí cho nhiên liệu, mức phát thải thấp và có thể thay đổi công suất nhanh theo yêu cầu phụ tải. Tuy nhiên, ngành có chi phí đầu tư ban đầu cao, thời gian xây dựng lâu và nguồn đầu vào là nước phụ thuộc nhiều vào yếu tố thời tiết. Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm, làm lượng nước tích trong hồ thấp hơn so với năng lực thiết kế, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy.

Tổng kết năm 2016, tình hình khí hậu diễn biến phức tạp, El Nino kéo dài,... gây ảnh hưởng theo hướng không thuận lợi đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Kết quả kinh doanh năm 2016

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2015	TH 2016	KH 2016	% TH 2016/2015	% TH/KH 2016
Sản lượng	Triệu kWh	591,20	557,80	602,00	94,35%	92,66%
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	598,64	514,41	582,25	85,93%	88,35%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	594,69	512,97	581,90	86,26%	88,15%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	169,48	102,15	165,36	60,27%	61,77%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	164,56	98,06	160,46	59,59%	61,11%

Lợi nhuận sau thuế năm 2016 là 98,06 tỷ đồng giảm 40,41% so với năm 2015 và chỉ đạt 61,11% kế hoạch đề ra, chủ yếu do một số nguyên nhân sau đây:

Về thủy văn

Trong 6 tháng mùa khô đầu năm 2016 do ảnh hưởng hiện tượng El Nino kéo dài, nên lưu lượng nước về hồ chứa các nhà máy thấp hơn so với cùng kỳ năm 2015 và thấp hơn so với thiết kế:

- Nhà máy Đa Siat: 73,70% so với cùng kỳ 2015; 100,30% so với số liệu thiết kế.
- Nhà máy Đa Dâng 2: 63,10% so với cùng kỳ 2015; 73,90% so với số liệu thiết kế.
- Nhà máy Đa M'bri: 54,40% so với cùng kỳ 2015; 59,00% so với số liệu thiết kế.

Bước vào mùa mưa từ tháng 7, tình hình thủy văn có cải thiện, lưu lượng nước về đủ phát tải đối với nhà máy Đa Siat và Đa M'bri. Riêng nhà máy Đa Dâng 2 phải đến trung tuần tháng 9, lưu lượng nước về mới đủ chạy đầy tải.

Các tháng cuối năm năm 2016, tổng lượng mưa dồn dập do đó lưu lượng nước về nhiều khiến cho các nhà máy phải xả tràn.

Về sản lượng

Tính đến cuối năm 2016, tổng sản lượng phát điện ở cả 03 nhà máy là 557,83 triệu kWh, giảm 5,65% so với cùng kỳ năm trước và bằng 92,66% kế hoạch đề ra. Nguyên nhân là do lưu lượng nước chảy về ở các tháng mùa khô thấp, dẫn đến sản lượng phát điện 6 tháng đầu năm 2016 giảm so với năm 2015. Trong đó, nhà máy Đa Dâng 2 giảm 19,6 triệu kWh, Đa M'bri thấp hơn 29,1 triệu kWh.

Mặc dù bị ảnh hưởng bởi thời tiết khô hạn kéo dài đến 9 tháng đầu năm nhưng tổng sản lượng phát điện của 3 nhà máy vẫn vượt sản lượng theo thiết kế, không để tình trạng mất nước khi vận hành do sự cố phải dừng máy.

Về doanh thu

Tổng doanh thu phát điện của cả 3 nhà máy là 512,97 tỷ đồng, giảm 13,73% so với năm 2015 và bằng 88,15% kế hoạch. Việc không đạt kế hoạch doanh thu đề ra phải kể đến các nguyên nhân khách quan về thủy văn và do trong năm 2016, giá trần thị trường điện giảm từ 1.268 đồng/kWh còn 1.171 đồng/kWh khiến cho giá bán điều chỉnh giảm làm doanh thu phát điện, đặc biệt là tại nhà máy Đa M'bri có giá bán điện bình quân thấp hơn giá hợp đồng.

Công tác quản lý vận hành, kỹ thuật

- Rà soát, hiệu chỉnh qui trình vận hành, xử lý sự cố tổ máy 3 nhà máy.
- Công tác kỹ thuật an toàn được chú trọng
- Rà soát các công tác quản lý, ban hành qui định cụ thể các công tác phải có phiếu công tác, thao tác, lệnh công tác khi có đơn vị trong và ngoài Công ty làm việc tại nhà máy.

Công tác kiểm tra

- Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm về công tác quản lý vận hành, quản lý kỹ thuật tại Công ty Thủy điện Buôn Kuốp, Công ty Thủy điện Trị An, CTCP Thủy điện Đắk Tih.
- Tổ chức học tập rút kinh nghiệm từ các sự cố để rút kinh nghiệm trong vận hành.
- Tổ chức phổ biến, rút kinh nghiệm các tai nạn lao động từ EVN, tổ chức diễn tập sự cố định kỳ hàng quý.
- Phối hợp với Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia đào tạo cấp chứng nhận vận hành cho các trường ca.



Công tác phòng cháy chữa cháy

Công tác Phòng cháy chữa cháy được kiểm tra định kỳ và phối hợp với Công an phòng cháy chữa cháy địa phương kiểm tra thường xuyên và huấn luyện hàng năm.

Công tác sáng kiến

- Trong năm Chi nhánh đã có 13 sáng kiến, Phòng Tổng hợp có 1 sáng kiến.
- Sau khi đánh giá Công ty đã công nhận 10/13 sáng kiến của Chi nhánh và 1 sáng kiến của Phòng Tổng hợp với tổng số tiền khen thưởng 84.000.000 đồng.

Công tác khác

Hoàn thành công tác 5S



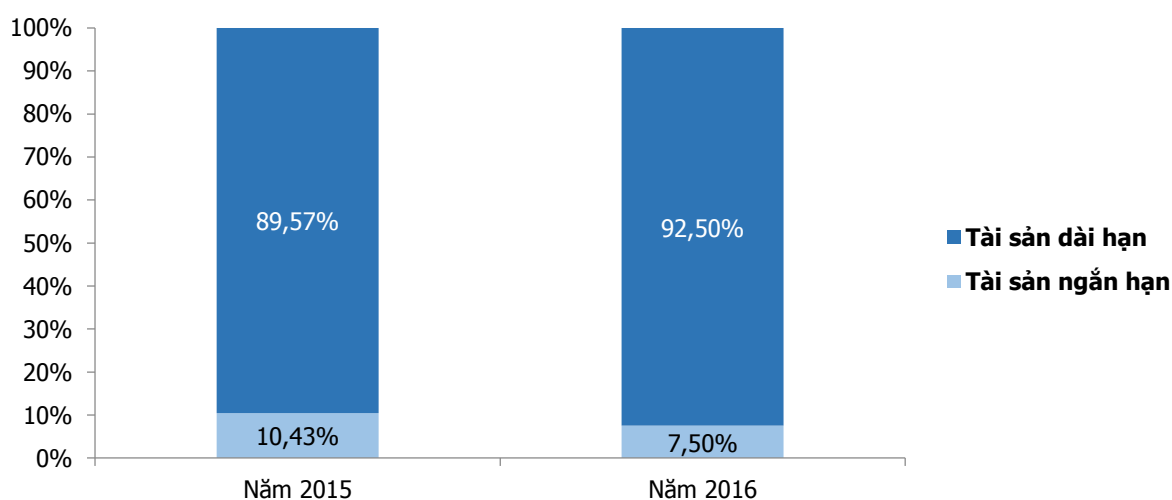


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	ĐVT	2015	Tỷ trọng	2016	Tỷ trọng	% tăng giảm
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	303,96	10,43%	198,63	7,5%	-34,65%
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	2.609,02	89,57%	2.447,07	92,50%	-6,20%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	2.912,98	100%	2.645,70	100%	-9,18%

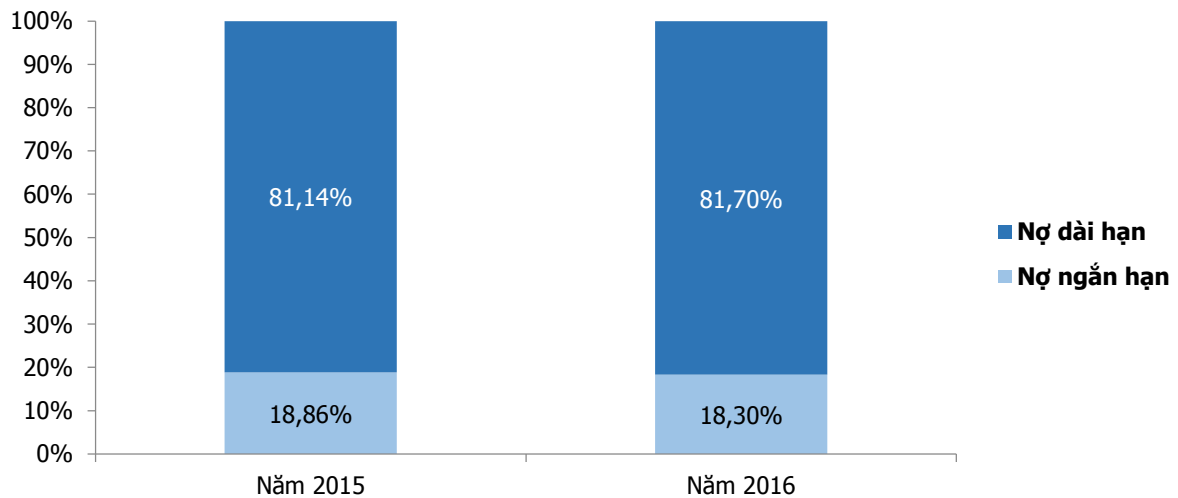
Về cơ cấu tài sản năm 2016, tình hình tài sản ngắn hạn đã giảm từ mức 303,96 tỷ đồng xuống còn 198,63 tỷ đồng. Nguyên nhân là do trong năm các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty giảm mạnh hơn 109 tỷ làm cho chỉ mục tài sản ngắn hạn giảm 34,65% so với cùng kỳ năm trước. Về cơ cấu tổng tài sản, tài sản dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất đến từ nguồn tài sản cố định hữu hình do các nhà máy chỉ mới đi vào hoạt động được vài năm, hầu hết tổng khấu hao lũy kế chưa nhiều. Các tài sản còn lại chủ yếu là tiền và các khoản phải thu ngắn hạn.



Tình hình trả nợ

Chi tiêu	ĐVT	31/12/2015	Tỷ trọng	31/12/2016	Tỷ trọng	% tăng giảm
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	316,19	18,86%	268,75	18,30%	85,00%
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	1.359,82	81,14%	1.199,67	81,70%	88,22%
Tổng nợ	Tỷ đồng	1.676,01	100%	1.468,42	100%	87,61%

Tổng nợ phải trả của SHP tại thời điểm 31/12/2016 là 1.468,42 tỷ đồng, giảm 12,39% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tổng nợ ngắn hạn giảm từ 316,19 tỷ xuống còn 268,75 tỷ đồng nhờ hoạt động hiệu quả của các nhà máy thủy điện đã giúp Công ty đủ khả năng chi trả đúng hạn các khoản nợ vay trong năm. Tương tự, nợ dài hạn cũng giảm 11,78% tương đương 160,15 tỷ đồng chủ yếu đến từ việc giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Điều này đã giúp tổng nợ năm 2016 chỉ bằng 87,61% so với cùng kỳ năm ngoái.



NHỮNG CÁI TIẾN CỦA CÔNG TY



Về công tác xây dựng, sửa chữa, trung đại tu các nhà máy

- Hoàn thành công tác sửa chữa, nâng cấp đường giao thông lên nhà máy Đa Siat, xử lý sạt trượt đường giao thông nhà máy Đa Siat, nhà máy Đa M'ri.
- Nâng chiều cao kênh dẫn nước một số đoạn nhà máy Đa Dâng 2 để nước không tràn kênh dẫn khi vận hành, tăng cột nước khai thác, tăng hiệu suất tổ máy.
- Xây dựng hàng rào bảo vệ hành lang đập phụ nhà máy Đa M'ri.
- Định kỳ theo kế hoạch chi nhánh đã thực hiện công tác kiểm tra, sửa chữa, thay thế các thiết bị:

Nhà máy Đa Siat: đã kiểm tra sửa chữa, thay thế một số thiết bị hư hỏng như: thay thế PLC cho tổ máy H1, thay thế máy nén khí, lắp đặt hệ thống thông tin liên lạc trên đường dây cáp quang, cải tạo hệ thống điều khiển nhà máy, lắp bổ sung 1 máy bơm AC cho bơm dầu, thi công lắp đặt dây chống sét, lắp chống sét Streamer cho đường dây 22kV, thay mới 1 bơm chìm hồ thu, cải tạo hệ thống nước chữa cháy, cải tạo hệ thống phao chắn rác cửa nhận nước.

Nhà máy Đa Dâng 2: Hàn lại bánh xe công tác tổ máy H1, thay van bypass cho van đĩa, cải tạo hệ thống nước kỹ thuật, thay thế các đồng hồ áp lực hệ thống nước, dầu, khí, sửa chữa lớn Trạm biến áp 110kV, xử lý nước rò rỉ tổ máy H1, cải tạo lưới chắn rác bể áp lực, lắp đặt hệ thống vớt rác.

Nhà máy Đa M'ri: Khắc phục sự cố ngập nước hầm turbin do hư gioăng làm kín vành chặn trên turbin, khắc phục sự cố cháy bạc ổ hướng trên (OHT) tổ máy H1, cải tạo hệ thống thang 2 tổ máy, thay thế PLC điều khiển Cửa nhận nước, PLC tổ máy H1, sửa chữa máy bơm nước thô tổ máy H1, sửa chữa bộ khởi động mềm nước kỹ thuật.

Về chính sách lương thưởng

- Năm 2016 là năm Công ty áp dụng và thực hiện chuyển xếp lương cho người lao động theo hệ thống thang bảng lương mới. Đây là hệ thống thang bảng lương do Công ty phối hợp cùng với đơn vị tư vấn xây dựng dựa trên đánh giá lại lao động, mô tả từng chức danh, xem xét tính chất, mức độ phức tạp của từng vị trí công việc trong toàn Công ty.
- Áp dụng quy chế chi trả tiền lương mới và thực hiện việc thông báo lương cho người lao động thông qua tài khoản email cá nhân, qua đó người lao động biết thông tin về việc tính lương, tính thuế thu nhập cá nhân được nhanh chóng, rõ ràng, kịp thời, tránh được thắc mắc, khiếu nại. Trong năm, Công ty cũng đã duy trì mức thu nhập ổn định cho người lao động so với năm 2015.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

- ◆ Năm 2017, Công ty tiếp tục tập trung củng cố công tác vận hành phát điện các nhà máy, triển khai công tác đại tu tổ máy H1 và sơn đường ống nhà máy Đa Siat, thay thế bánh xe công tác kết hợp với đại tu tổ máy H1, H2 nhà máy Đa Dâng 2.
- ◆ Bước vào năm 2017, Công ty nhận định những thuận lợi và khó khăn sau:
 - ◇ Đầu năm 2017 lưu lượng nước về vẫn duy trì khá ổn định so với cùng kỳ năm 2016.
 - ◇ Giá trần thị trường điện tăng so với 2016.
 - ◇ Bên cạnh đó một số thiết bị sau thời gian vận hành đã bộc lộ những hạn chế, các thiết bị phụ hư hỏng bất thường tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất ổn định trong vận hành.
- ◆ Căn cứ số liệu phát điện bình quân các năm, số liệu thủy văn thiết kế, số liệu nước về năm 2016 và tham khảo giá bán điện bình quân năm 2016, Công ty xây dựng kế hoạch năm 2017 như sau:
 - ◇ Sản lượng nhà máy Đasiat lấy bằng bình quân từ năm 2010 - 2016, nhà máy Đa Dâng 2 lấy bằng bình quân từ năm 2011 - 2016, nhà máy Đa M'brì lấy bằng 1,05% sản lượng thiết kế. Tổng sản lượng là 592,0 triệu kWh.
 - ◇ Doanh thu các nhà máy được xây dựng trên cơ sở lấy tương đương đơn giá bán điện bình quân năm 2016 đối với nhà máy Đa Siat và Đa Dâng 2, nhà máy Đa M'brì lấy bằng giá bán điện của hợp đồng.
 - ◇ Tổng doanh thu là 562,1 tỷ đồng.





BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



- Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đến vấn đề môi trường trong quá trình sản xuất với những biện pháp thiết thực như đưa ra những chính sách hợp lý nhằm tái tạo lại các vùng đất gần nhà máy của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty còn tiến hành nghiên cứu các nguồn năng lượng xanh ít tác động đến môi trường.
- Nâng cao trình độ cho người lao động thông qua các lớp đào tạo kiến thức chuyên sâu giúp cán bộ nhân viên có thể nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn, từ đó khai thác tối đa tiềm năng của người lao động. Ngoài ra, Công ty còn thường xuyên bồi huấn, phổ biến đến người lao động những luật định mới về bảo hiểm y tế, xã hội, bảo hiểm tai nạn. Hằng năm, công ty đều tiến hành tổng hợp, đánh giá và trao giải cho các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất của người lao động tại các chi nhánh và phòng ban công ty.
- Thường xuyên tham gia bảo vệ rừng đầu nguồn, các chương trình khuyến học tại các huyện, xã còn nhiều khó khăn của tỉnh Lâm Đồng.



04

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá về các mặt hoạt động
- Đánh giá về hoạt động của Ban Giám Đốc
- Kế hoạch & định hướng





ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

Đánh giá về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016

Đặc điểm môi trường kinh doanh năm 2016

Trong năm 2016, tình hình khí tượng thủy văn mùa mưa, lũ vẫn không lạc quan, cả nước phải hứng chịu hiện tượng El Nino được đánh giá là mạnh kỷ lục, có cường độ tương đương với kỳ El Nino 1997/1998 và kéo dài nhất từ trước đến nay (khoảng 20 tháng). Thời điểm bắt đầu mùa mưa tại các khu vực trên toàn quốc đều đến muộn hơn so với trung bình nhiều năm và sẽ kết thúc sớm. Nửa cuối tháng 4 và tháng 5, Miền Đông Nam bộ và Tây nguyên tiếp tục xảy ra nhiều ngày nắng nóng bất thường.

Do chịu ảnh hưởng của hiện tượng El Nino gây ra tình trạng hạn hán nghiêm trọng ở nhiều vùng, đặc biệt là Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên nên tình hình thủy văn ở các hồ thủy điện trong khu vực Miền Nam cũng gặp không ít khó khăn. Truyền tải trên lưới điện 500kV thường xuyên ở mức cao với yêu cầu vừa tối ưu việc khai thác nước các hồ thủy điện vừa phải đảm bảo an toàn cho hệ thống điện.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016

Năm qua, tình hình thủy văn trong khu vực không thuận lợi do chịu ảnh hưởng El Nino kéo dài khiến lưu lượng nước về các tháng mùa khô năm 2016 thấp hơn so với năm 2015 và so với số liệu thiết kế. Điều này đã làm cho sản lượng điện của 3 nhà máy thủy điện công ty chỉ đạt 557,83 Kwh, giảm 5,10% so với năm 2015 và vẫn chưa hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Đồng thời, giá trần thị trường điện trong năm qua có sự sụt giảm từ 1.268 đồng/kWh xuống còn 1.171 đồng/kWh, giá bình quân bán điện vì thế mà điều chỉnh giảm nhiều so với năm 2015 làm ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả SXKD của Công ty, cụ thể là doanh thu phát điện giảm 81,67 tỷ đồng tương đương 13,73% khiến cho lợi nhuận trước thuế công ty không thể hoàn thành kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đề ra ban đầu.

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	%TH/KH 2016
Sản lượng	Triệu kwh	602,00	557,83	92,66%
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	582,25	514,41	88,35%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	581,90	512,97	88,15%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	165,00	102,15	61,77%

Đánh giá về các hoạt động khác

Vận hành các nhà máy

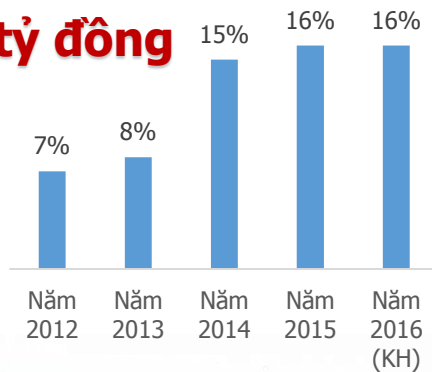
Nhà máy Đa Siat: đã thực hiện tổng rà soát đường dây, thực hiện các biện pháp để giảm sự cố: thay sứ đứng, sứ treo kém chất lượng bằng sứ Polymer, đóng bổ sung tiếp địa đường dây, thay kẹp các mối tử kẹp 3 bulong thành kẹp ép WR, phát quang hành lang đường dây, xin chủ trương tỉnh Lâm Đồng và Đắk Nông chặt cây mở rộng hành lang, lắp chống sét van trên đường dây, lắp đặt đai ngăn súc vật leo lên đường dây. Trong năm 2016 Chi nhánh tiếp tục thực hiện giải pháp giảm sự cố đường dây 22kV như: hoàn tất lắp đặt dây chống sét, lắp đặt thí điểm thiết bị cắt sét Streamer, phối hợp với Công ty Thí nghiệm điện Miền Nam để kiểm tra, tính toán lại các thông số chỉnh định rơ le của các thiết bị.



Nhà máy Đa Dâng 2: Công ty đã ký hợp đồng với nhà thầu Andritz Hydro - Áo cung cấp 2 bánh xe công tác cho nhà máy Đa Dâng 2. Nhà thầu đã giao bánh xe công tác H1 vào tháng 06/2016, bánh xe thứ hai đã giao vào tháng 11/2016. Công tác thay thế bánh xe công tác và kết hợp đại tu các tổ máy sẽ thực hiện vào tháng 02/2017 cho tổ máy H1, và tổ máy H2 vào tháng 03/2017.

Tổng cổ tức đã chi năm 2015

149,93 tỷ đồng



■ Tỷ lệ chi trả cổ tức

Công tác cổ đông, chi trả cổ tức

Trong năm 2016, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho năm 2015 với mức chi trả 1.600 đồng/cổ phần cho cổ đông.

Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2016 chính thức sẽ được Đại hội cổ đông năm 2017 thông qua.

Công tác quyết toán các dự án

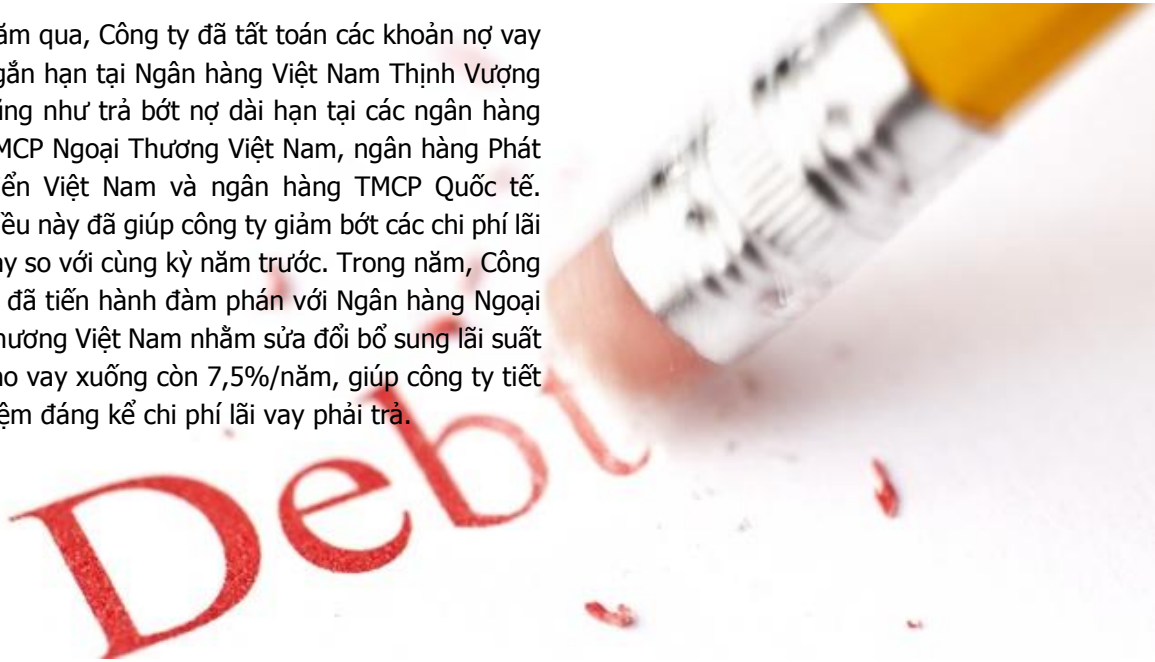
- Hoàn thành quyết toán dự án thủy điện Đa Dâng 2.
- Đến nay đã quyết toán xong các gói thầu thuộc dự án thủy điện Đa M'brì (trừ gói thầu tư vấn thiết kế đang xử lý các tồn tại). Tiếp tục quyết toán các chi phí khác để quyết toán toàn bộ dự án.
- Đơn vị kiểm toán đã kiểm tra và chấp nhận giá trị quyết toán các gói thầu trong 2 đợt với giá trị là 1.968,143 tỷ đồng.
- Dự kiến hoàn tất công tác quyết toán dự án thủy điện Đa M'brì trong tháng 3/2017 để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hoạt động duy tu, bảo trì, sửa chữa các nhà máy

- Hoàn tất xây dựng Văn phòng Chi nhánh.
- Nâng chiều cao kênh dẫn nước một số đoạn nhà máy Đa Dâng 2 để nước không tràn kênh dẫn khi vận hành, tăng cột nước khai thác, tăng hiệu suất tổ máy.
- Thực hiện công tác đại tu nhà máy Đasiat, nhà máy Đa Dâng 2.

Công tác tài chính

Năm qua, Công ty đã tất toán các khoản nợ vay ngắn hạn tại Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng cũng như trả bớt nợ dài hạn tại các ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, ngân hàng Phát triển Việt Nam và ngân hàng TMCP Quốc tế. Điều này đã giúp công ty giảm bớt các chi phí lãi vay so với cùng kỳ năm trước. Trong năm, Công ty đã tiến hành đàm phán với Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam nhằm sửa đổi bổ sung lãi suất cho vay xuống còn 7,5%/năm, giúp công ty tiết kiệm đáng kể chi phí lãi vay phải trả.







ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã thực hiện theo đúng quy định về Điều lệ Công ty trong việc giám sát hoạt động đối với Ban Tổng giám đốc, cụ thể như sau:

- Trong công tác điều hành: Ban Tổng giám đốc Công ty đã bám sát các nghị quyết của HĐQT, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để thực hiện theo đúng phân cấp và nhiệm vụ được giao.
- Trong công tác giải quyết vấn đề: Tổng giám đốc Công ty đã kịp thời đưa ra những biện pháp xử lý quyết liệt, ngăn chặn rủi ro. Khi có những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết, Ban điều hành đã xin ý kiến của HĐQT kịp thời để tổ chức thực hiện. Vì Tổng giám đốc cũng là Thành viên HĐQT nên việc triển khai các Nghị quyết đều diễn ra một cách suôn sẻ, nhanh chóng.

Nhìn chung, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã rất nỗ lực trong công tác điều hành, đảm bảo mọi hoạt động của công ty diễn ra hiệu quả, tiết kiệm, đúng pháp luật, bảo đảm quyền lợi cho cổ đông cũng như toàn thể nhân viên Công ty, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với nhà nước và luôn bám sát thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành. Mặc dù, kế hoạch năm 2016 chưa được hoàn thành; tuy nhiên, trong bối cảnh thời tiết không thuận lợi, kết quả kinh doanh đạt được năm qua vẫn là một thành tích đáng ghi nhận.



KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Theo nhận định, năm 2017 hiện tượng ENSO vẫn tiếp tục ở trạng thái trung tính, ít có khả năng xuất hiện La Nina. Tuy vậy, dưới tác động của biến đổi khí hậu, các hiện tượng thời tiết cực đoan vẫn sẽ diễn biến phức tạp, khó dự đoán. Hiện tượng mưa trái mùa có khả năng xuất hiện trên khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ. Dòng chảy trong mùa khô năm 2016 - 2017 ở hầu hết các sông trên toàn quốc có khả năng nhỏ hơn mức trung bình nhiều năm. Tình trạng khô hạn và xâm nhập mặn ở Nam Bộ và Tây Nguyên vẫn còn diễn biến phức tạp. Trong bối cảnh khó khăn hiện nay, HĐQT Công ty đánh giá rằng năm 2017 vẫn sẽ là một năm đầy thách thức với SHP. Do đó, Công ty sẽ tiếp tục tập trung củng cố công tác vận hành phát điện tại 3 nhà máy chính, tiến hành bảo trì, bảo dưỡng các nhà máy Đasiat và Đa Dâng 2, đơn đốc, theo dõi nhằm nhanh chóng đưa các tổ máy đi vào sản xuất trở lại giúp giữ ổn định doanh thu và tiết kiệm chi phí trong điều kiện diễn biến khí hậu bất lợi như hiện nay.



Kế hoạch tổng quát

- Phần đầu hoàn thành sản lượng và doanh thu đề ra năm 2017.
- Xem xét và đầu tư các dự án mới góp phần phát triển kinh tế khu vực, tạo ra nhiều việc làm cho người dân trong khu vực.
- Đàm phán giá bán điện của nhà máy Đa M'بری cho giai đoạn từ 2017 trở đi.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh, phân phối lợi nhuận chi tiết năm 2017 (*)

Tổng sản lượng điện: 592,00, trong đó:

- Nhà máy Đasiat: 62,00 triệu kWh
- Nhà máy Đa Dâng 2: 177,00 triệu kWh
- Nhà máy Đa M'بری: 353,00 triệu kWh

Tổng doanh thu: 559,60 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế: 151,94 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế: 140,30 tỷ đồng

() Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận sẽ được ĐHCĐ chính thức thông qua.*





HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐƯỜNG VIỆT NAM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2016





05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích



Thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Hồ Quang Ái	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên HĐQT
3	Ông Trịnh Phi Anh	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT
5	Ông Lê Chí Phước	Thành viên HĐQT

Ông Hồ Quang Ái – Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh	: 16/7/1958
Nơi sinh	: Quảng Ngãi
Địa chỉ	: P18A, lầu 2, số 6 Nguyễn Siêu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản lý kinh doanh, Kỹ sư Hệ thống điện
Số cổ phiếu nắm giữ	: 5.000 cổ phiếu (sở hữu cá nhân) : 45.784.358 cổ phiếu (đại diện cho EVNSPC)
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	: 0,0053% vốn điều lệ (cá nhân) : 48,86% vốn điều lệ (đại diện)

Ông Nguyễn Văn Thịnh – Thành viên HĐQT

Ngày sinh	: 18/01/1955
Nơi sinh	: Biên Hòa
Địa chỉ	: Căn hộ D2, Chung cư Thế hệ mới, 17 Hồ Hảo Hớn, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Điện
Số cổ phiếu nắm giữ	: 275.000 cổ phiếu
Tỷ lệ	: 0,29% vốn điều lệ

Ông Trịnh Phi Anh – Thành viên HĐQT

Ngày sinh	: 05/08/1947
Nơi sinh	: Bình Dương
Địa chỉ	: 26A7 Trần Nảo, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Điện
Số cổ phiếu nắm giữ	: 3.000 cổ phiếu (sở hữu cá nhân)
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	: 0,0032%

Ông Nguyễn Văn Dũng – Thành viên HĐQT

Ngày sinh	: 02/04/1963
Nơi sinh	: Đà Nẵng
Địa chỉ	: 77 Bis 3/2, P.4, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Điện
Số cổ phiếu nắm giữ	: 2.685 cổ phiếu
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	: 0,0029% vốn điều lệ

Ông Lê Chí Phước – Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh	: 03/08/1953
Nơi sinh	: TP. Hồ Chí Minh
Địa chỉ	: 1B Lý Tự Trọng, TP Cần Thơ
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Quản trị Kinh doanh
Số cổ phiếu nắm giữ	: 2.686 cổ phiếu
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	: 0,0029% vốn điều lệ



Trong năm 2016, HĐQT Công ty đã tiến hành 5 cuộc họp

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Hồ Quang Ái	Chủ tịch HĐQT	05/05	100%	
2	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên HĐQT	05/05	100%	
3	Ông Trịnh Phi Anh	Thành viên HĐQT	05/05	100%	
4	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	05/05	100%	
5	Ông Lê Chí Phước	Thành viên HĐQT	05/05	100%	
6	Ông Nguyễn Việt Tuấn	Thành viên HĐQT	04/05	80%	Ông Nguyễn Việt Tuấn không còn là thành viên HĐQT kể từ ngày 29/12/2016 do ông có đơn từ nhiệm thôi làm thành viên HĐQT và ông không còn là đại diện phần vốn của Tổng Công ty CP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco).

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

Trong năm 2016, HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam đã tiến hành các hoạt động giám sát với Ban Giám đốc như sau:

- ❖ Hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng thời hạn Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính quý I, II, III, IV năm 2016 và Báo cáo thường niên năm 2015.
- ❖ Tổng kết tình hình hoạt động năm 2015 và triển khai thực hiện kế hoạch năm 2016.
- ❖ Chỉ đạo việc chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 đúng theo quy định của pháp luật hiện hành vào ngày 28/04/2016.
- ❖ Chỉ đạo triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ❖ Chỉ đạo triển khai chi trả cổ tức năm 2015.
- ❖ Thành lập tổ Thẩm tra quyết toán Dự án hoàn thành "Dự án thủy điện Đa Dâng 2".
- ❖ HĐQT phối hợp với Ban kiểm soát tổ chức hoạt động, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động kinh doanh và công tác quản lý Công ty.

Các Nghị quyết/Quyết định trong năm 2016

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	02/NQ-CPTĐMN-HĐQT	11/01/2016	<p>Phê duyệt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015.</p> <p>Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Kế hoạch chi phí tiền lương năm 2016.</p> <p>Về quy chế tài chính: chỉnh sửa các quy chế của Công ty để ban hành.</p> <p>Công ty tập trung giải quyết tồn tại công tác đền bù của dự án thủy điện Đa Dâng 2 và Đa M'brì.</p>
2	07/NQ-CPTĐMN-HĐQT	26/01/2016	<p>Phê duyệt kế hoạch duy tu, sửa chữa nhà máy thủy điện Đa M'brì.</p>
3	13/NQ-CPTĐMN-HĐQT	24/03/2016	<p>Dự báo sửa đổi điều lệ Công ty.</p> <p>Dự báo thảo sửa đổi quy chế quản trị công ty.</p> <p>Dự thảo phân phối lợi nhuận năm 2015 và kế hoạch năm 2016.</p> <p>Về thù lao HĐQT và BKS..</p>
4	22/NQ-CPTĐMN-HĐQT	12/04/2016	<p>Thông qua các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.</p>
5	25/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	10/05/2016	<p>Về việc ban hành điều lệ sửa đổi, bổ sung.</p>
6	28/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	07/06/2016	<p>Chốt ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền trả cổ tức năm 2015.</p>
7	29/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	07/06/2016	<p>Phê duyệt đơn vụ kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016</p>
8	32/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	28/07/2016	<p>Phê duyệt Kế hoạch chi phí hoạt động năm 2016.</p>
9	35/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	02/08/2016	<p>Phê duyệt chi phí tiền lương, tiền thưởng an toàn điện năm 2016.</p>

STT	Số nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
10	37/NĐ-CPTĐMN-HĐQT	19/08/2016	<p>Thống nhất số liệu kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016.</p> <p>Thành lập tổ Thẩm tra quyết toán Dự án hoàn thành "Dự án thủy điện Đa Dâng 2".</p> <p>Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị Công ty.</p> <p>Thống nhất chủ trương về đầu tư dự án thủy điện mới. Giao Công ty tiếp xúc với Chủ đầu tư. Kết quả làm báo cáo lại HĐQT xem xét quyết định.</p>
11	38/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	19/08/2016	Thành lập tổ Thẩm tra quyết toán Dự án hoàn thành "Dự án thủy điện Đa Dâng 2".
12	40/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	12/09/2016	Ban hành Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Nam.
13	47/NĐ-CPTĐMN-HĐQT	29/12/2016	<p>Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016.</p> <p>Thông qua Kế hoạch chi phí tiền lương 2017.</p> <p>Phê duyệt Quyết toán dự án hoàn thành – Dự án thủy điện Đa Dâng 2.</p> <p>Thông qua Báo cáo của thành viên HĐQT về việc thương thảo chuyển nhượng dự án Thủy điện Đa Dâng 3 không thành công.</p> <p>Thông qua Đề xuất cho duy trì hoạt động của Tổ thẩm tra quyết toán dự án Đa Dâng 2 để thực hiện thẩm tra quyết toán dự án Đa M'brì.</p>
14	48/NĐ-CPTĐMN-HĐQT	29/12/2016	Phê duyệt Quyết toán dự án hoàn thành Dự án: nhà máy thủy điện Đa Dâng 2.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Ông Trịnh Phi Anh	Thành viên HĐQT
3	Ông Lê Thanh Hải	Trưởng BKS
4	Ông Nguyễn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Nguyễn Vĩnh Châu	Phó Tổng Giám đốc



Thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lê Thanh Hải	Trưởng BKS
2	Ông Hoàng Minh Dũng	Thành viên BKS
3	Bà Đỗ Thị Hải Âu	Thành viên BKS

Ông Lê Thanh Hải – Trưởng BKS

Ngày tháng năm sinh	: 15/03/1976
Nơi sinh	: Hải Dương
Địa chỉ	: 196A Quách Đình Bảo, P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú. TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kế toán Cử nhân Luật – Luật sư
Số cổ phiếu nắm giữ	: 5.000 cổ phiếu (sở hữu cá nhân)
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	: 0,0053% VDL

Ông Hoàng Minh Dũng – Thành viên BKS

Ngày sinh	: 01/12/1966
Nơi sinh	: TP. Hồ Chí Minh
Địa chỉ	: 32 Đinh Công Tráng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Số cổ phiếu nắm giữ	: 20.000 cổ phiếu (sở hữu cá nhân)
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	: 0,02% VĐL

Bà Đỗ Thị Hải Âu – Thành viên BKS

Ngày sinh	: 08/05/1966
Nơi sinh	: Nghệ An
Địa chỉ	: 876/2C CMT8, Phường 5, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kế toán
Số cổ phiếu nắm giữ	: 0 cổ phiếu
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	: 0,00% VĐL

Hoạt động của Ban kiểm soát

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Thanh Hải	Trưởng BKS	02/03	66,7%	Được bầu bổ sung vào làm thành viên BKS từ ngày 28/04/2016 và trở thành Trưởng BKS từ ngày 29/04/2016.
2	Ông Hoàng Minh Dũng	Thành viên BKS	03/03	100%	Từ ngày 29/04/2016 không còn là Trưởng BKS.
3	Bà Đỗ Thị Hải Âu	Thành viên BKS	02/03	66,7%	Được bầu bổ sung vào làm thành viên BKS từ ngày 28/04/2016.
4	Ông Thang Thanh Hà	Thành viên BKS	01/03	33,3%	Do ĐHĐCĐ miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 28/04/2016
5	Ông Tô Công Thanh Lộc	Thành viên BKS	01/03	33,3%	Do ĐHĐCĐ miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 28/04/2016.

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật; điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quy định, quy chế quản trị của công ty. Trong năm 2016, Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về việc triển khai, thực hiện nghị quyết số 24/NQ-CPTĐMN-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung:

- Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2016: Các giải pháp để hoàn thành kế hoạch, nâng cao hiệu quả SXKD: cải tiến, khắc phục sự cố máy móc thiết bị nhằm đảm bảo hoạt động an toàn, tin cậy; đàm phán giá bán điện Đa M' Bri, đàm phán với ngân hàng về giảm lãi suất cho vay của dự án Đa M' Bri...;
- Thực hiện chi trả cổ tức 16% năm 2015 cho cổ đông.



Các cuộc họp Ban kiểm soát trong năm

STT	Nội dung	Ngày họp	Kết quả
1	Đánh giá hoạt động của Công ty năm 2015, chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2016 và chuẩn bị nội dung báo cáo của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 (T/p: Ông Hoàng Minh Dũng, ông Thang Thanh Hà, Ông Tô Công Thanh Lộc)	12/04/2016	Thông nhất nội dung báo cáo của BKS để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2016
2	Giới thiệu ứng viên bầu bổ sung BKS tại ĐHĐCĐ thường niên của SHP năm 2016 (T/p tham dự: Ông Hoàng Minh Dũng, ông Thang Thanh Hà, ông Tô Công Thanh Lộc)	26/04/2016	Giới thiệu ông Lê Thanh Hải để ĐHĐCĐ thường niên SHP bầu bổ sung thành viên BKS
3	Bầu Trưởng Ban kiểm soát (T/p: Ông Hoàng Minh Dũng, ông Lê Thanh Hải, bà Đỗ Thị Hải Âu)	29/04/2016	Bầu ông Lê Thanh Hải làm Trưởng BKS thay ông Hoàng Minh Dũng
4	Xem xét chi phí hoạt động, chi phí lương, thưởng an toàn điện năm 2016 của SHP (T/p: ông Lê Thanh Hải, ông Hoàng Minh Dũng, bà Đỗ Thị Hải Âu và TGD Công ty)	02/08/2016	Thông nhất nội dung về xây dựng quỹ lương, thưởng an toàn điện năm 2016 của SHP

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác luôn tuân thủ theo Quy chế quản trị của Công ty.
- Trong năm 2016, Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ và tham gia đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị về các công tác như: tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015, kế hoạch năm 2016; chuẩn bị nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức vào ngày 28/04/2016; xem xét tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2016 và số liệu kế hoạch năm 2017; tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án năng lượng tái tạo mới. Các nghị quyết, biên bản họp của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị đều được gửi đến Ban kiểm soát.





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Họ và tên	Chức vụ	Lương/ tháng (đồng)	Thù lao tháng (theo NQ ĐHCĐ 2016) - chưa bao gồm thuế TNCN	Ghi chú (Thời gian hưởng)
Hội đồng quản trị				
Hồ Quang Ái	Chủ tịch HĐQT		10.000.000	01/2016 - 12/2016
Trịnh Phi Anh	Thành viên HĐQT		6.000.000	01/2016 - 12/2016
Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên HĐQT		6.000.000	01/2016 - 12/2016
Nguyễn Việt Tuấn	Thành viên HĐQT		6.000.000	01/2016 - 12/2016
Lê Chí Phước	Thành viên HĐQT		6.000.000	01/2016 - 12/2016
Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT		6.000.000	01/2016 - 12/2016
Ban Kiểm soát				
Lê Thanh Hải (*)	Trưởng BKS	33.940.000		05/2016 - 12/2016
Hoàng Minh Dũng	Trưởng BKS		6.000.000	01/2016 - 04/2016
Hoàng Minh Dũng	Thành viên BKS		3.000.000	05/2016 - 12/2016
Đỗ Thị Hải Âu	Thành viên BKS		3.000.000	05/2016 - 12/2016
Thang Thanh Hà	Thành viên BKS		3.000.000	01/2016 - 04/2016
Tô Công Thanh Lộc	Thành viên BKS		3.000.000	01/2016 - 04/2016

- ☉ Ông Lê Thanh Hải và Bà Đỗ Thị Hải Âu được ĐHCĐ thường niên SHP năm 2016 bầu thay thế Ông Thang Thanh Hà và Ông Tô Công Thanh Lộc.
- ☉ (*): Lương của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách được thực hiện theo Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên SHP năm 2016.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng..)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Tổng Công ty CP Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn	Tổ chức có liên quan của thành viên HĐQT (Nguyễn Việt Tuấn)	18.950.713	20,22	-	-	Thực hiện thoái vốn đầu tư ngoài ngành kinh doanh chính theo chỉ đạo của Chính Phủ
2	Nguyễn Văn Thịnh	Tổng Giám Đốc	75.000	0,08	275.000	0,29	Đầu tư

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt công tác Quản trị công ty theo quy định quy chế Quản trị Công ty, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng.



06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến của kiểm toán viên
- Báo cáo tài chính kiểm toán





BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2016 và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê duyệt vào ngày 27 tháng 3 năm 2017. Báo cáo tài chính này bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Quách Thành Châu
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0875-2013-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Lương Thị Ánh Tuyết
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3048-2014-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM5842
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2017

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

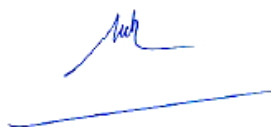
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2016 VND	2015 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		198.631.521.209	303.960.667.800
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	48.233.374.014	157.842.270.267
111	Tiền		45.733.374.014	155.342.270.267
112	Các khoản tương đương tiền		2.500.000.000	2.500.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		3.821.364.689	3.821.364.689
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	3.821.364.689	3.821.364.689
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		127.300.842.439	118.998.231.095
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	123.310.531.210	103.984.699.028
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.263.604.141	6.113.719.528
136	Phải thu ngắn hạn khác	7	3.034.069.288	9.207.174.739
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(307.362.200)	(307.362.200)
140	Hàng tồn kho		13.642.245.596	3.352.347.389
141	Hàng tồn kho	9	13.642.245.596	3.352.347.389
150	Tài sản ngắn hạn khác		5.633.694.471	19.946.454.360
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		144.777.837	360.470.441
152	Thuế GTGT được khấu trừ	10(a)	5.488.916.634	19.585.983.919
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		2.447.067.329.039	2.609.021.439.202
210	Các khoản phải thu dài hạn		-	444.394.875
216	Phải thu dài hạn khác		-	444.394.875
220	Tài sản cố định		2.445.710.116.696	2.606.385.617.790
221	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	2.442.696.039.431	2.603.645.754.149
222	Nguyên giá		3.128.256.888.370	3.109.388.520.926
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(685.560.848.939)	(505.742.766.777)
227	Tài sản cố định vô hình	11(b)	3.014.077.265	2.739.863.641
228	Nguyên giá		3.039.263.637	2.749.863.637
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(25.186.372)	(9.999.996)
240	Tài sản dở dang dài hạn		17.966.668	635.599.623
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	17.966.668	635.599.623
260	Tài sản dài hạn khác		1.339.245.675	1.555.826.914
261	Chi phí trả trước dài hạn		1.339.245.675	1.555.826.914
270	TỔNG TÀI SẢN		2.645.698.850.248	2.912.982.107.002

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2016 VND	2015 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.468.420.632.780	1.676.012.561.397
310	Nợ ngắn hạn		268.749.632.780	316.185.561.397
311	Phải trả người bán ngắn hạn	13	18.981.280.771	32.958.449.587
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	10(b)	13.382.862.774	9.783.447.565
314	Phải trả người lao động	14	5.046.952.400	7.573.106.382
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	57.235.802.461	69.547.027.928
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	12.649.678.956	11.197.414.132
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17(a)	160.156.000.000	184.156.003.999
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	1.297.055.418	970.111.804
330	Nợ dài hạn		1.199.671.000.000	1.359.827.000.000
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17(b)	1.199.671.000.000	1.359.827.000.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.177.278.217.468	1.236.969.545.605
410	Vốn chủ sở hữu		1.177.278.217.468	1.236.969.545.605
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19	937.102.000.000	937.102.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		937.102.000.000	937.102.000.000
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20	240.176.217.468	299.867.545.605
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của các năm trước		142.119.781.955	135.306.454.357
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		98.056.435.513	164.561.091.248
440	TỔNG NGUỒN VỐN		2.645.698.850.248	2.912.982.107.002



Nguyễn Thị Kiều Liên
Người lập



Nguyễn Thành Tú Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thịnh

Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 03 năm 2017

KẾT QUẢ KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2016 VND	2015 VND
01	Doanh thu bán hàng	512.966.684.108	594.685.477.949
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng	512.966.684.108	594.685.477.949
11	Giá vốn hàng bán	(274.264.830.344)	(257.513.888.782)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng	238.701.853.764	337.171.589.167
21	Doanh thu hoạt động tài chính	899.609.281	886.055.791
22	Chi phí tài chính	(115.669.950.782)	(131.829.368.233)
23	- Trong đó: chi phí lãi vay	(115.579.596.956)	(131.829.368.233)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(22.321.520.076)	(32.389.097.450)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	101.609.992.187	173.839.179.275
31	Thu nhập khác	541.931.926	3.068.610.126
32	Chi phí khác	(1.750.002)	(7.423.419.339)
40	Lợi nhuận/(lỗ) khác	540.181.924	(4.354.809.213)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	102.150.174.111	169.484.370.062
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(4.093.738.598)	(4.923.278.814)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	98.056.435.513	164.561.091.248
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.005	1.673



Nguyễn Thị Kiều Liên

Người lập



Nguyễn Thành Tú Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thịnh

Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

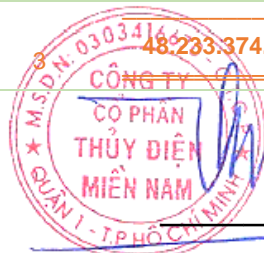

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	102.150.174.111	169.484.370.062
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	180.517.775.791	178.354.163.900
03	Các khoản dự phòng	-	307.362.200
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	56.096.064	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(899.609.281)	(886.055.791)
06	Chi phí lãi vay	115.579.596.956	131.829.368.233
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	397.404.033.641	479.089.208.604
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	5.650.151.180	(53.192.297.179)
10	Tăng hàng tồn kho	(10.289.898.207)	(1.720.661.272)
11	Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(24.172.892.398)	(125.943.943.265)
12	Giảm các chi phí trả trước	432.273.843	447.845.745
14	Tiền lãi vay đã trả	(116.670.566.404)	(132.233.689.344)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(3.364.186.133)	(5.606.963.463)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(7.484.500.036)	(8.437.475.870)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	241.504.415.486	152.402.023.956
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(20.043.364.732)	(6.429.499.091)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	198.363.636	72.909.091
27	Thu lãi từ tiền gửi	899.609.281	886.055.791
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(18.945.391.815)	(5.470.534.209)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	-	219.211.100.330
34	Chi trả nợ gốc vay	(184.156.003.999)	(177.554.637.134)
36	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	(148.011.907.200)	(138.177.425.400)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(332.167.911.199)	(96.520.962.204)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(109.608.887.528)	50.410.527.543
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 157.842.270.267	107.431.742.724
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(8.725)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	48.233.374.014	157.842.270.267



Nguyễn Thị Kiều Liên
Người lập



Nguyễn Thành Tú Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thịnh

Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103002486 ngày 13 tháng 7 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được điều chỉnh lần thứ 8 ngày 5 tháng 8 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty là một doanh nghiệp niêm yết có cổ phiếu giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất truyền tải và phân phối điện; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; lắp đặt hệ thống điện; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; sửa chữa thiết bị điện, máy móc thiết bị, các sản phẩm kim loại đúc sẵn (không hoạt động tại trụ sở); đào tạo nghề; bán buôn máy móc, thiết bị điện và phụ tùng máy cơ khí; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (không hoạt động tại trụ sở).

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 122 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 117 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND”).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bằng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.5 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.7 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao và hao mòn

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	2% - 20%
Máy móc thiết bị	7% - 20%
Phương tiện vận tải	13%
Thiết bị quản lý	20% - 33%
Phần mềm máy tính	33%

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.9 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

2.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.13 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.16 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng cho công tác khen thưởng, khuyến khích, phục vụ cho nhu cầu công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ công nhân viên.

2.17 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

2.18 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa và vật tư xuất bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.19 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.20 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê văn phòng, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...) và chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

2.21 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.22 Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.23 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

2.25 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2016 VND	2015 VND
Tiền mặt	200.113.974	72.048.700
Tiền gửi ngân hàng	45.533.260.040	155.270.221.567
Các khoản tương đương tiền (*)	2.500.000.000	2.500.000.000
	48.233.374.014	157.842.270.267
	48.233.374.014	157.842.270.267

(*) Khoản mục này bao gồm tiền gửi có kỳ hạn ban đầu không quá 3 tháng.

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	2016 VND	2015 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	3.821.364.689	3.821.364.689

Khoản mục này bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2016 VND	2015 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	123.310.531.210	103.984.699.028

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2016 VND	2015 VND
ANDRITZ HYDRO GmbH	-	2.850.463.350
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Nha Trang	-	1.339.766.636
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Hà Thành	456.073.297	456.073.297
Ban Đền Bù Giải Phóng Mặt bằng Huyện Bảo Lâm	330.955.900	326.637.900
Trung tâm thông tin-Đăng ký quyền sử dụng đất Lâm Đồng	140.000.000	140.000.000
Bên thứ ba khác	336.574.944	1.000.778.345
	<u>1.263.604.141</u>	<u>6.113.719.528</u>

7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Phải thu ngắn hạn khác chủ yếu là khoản ký quỹ ngân hàng để mở thư tín dụng.

8 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Khoản mục này là dự phòng phải thu từ người dân liên quan đến tiền đền bù các tuyến đường dân sinh của dự án Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2.

Mẫu số B 09 – DN

9 HÀNG TỒN KHO

	2016 VND	2015 VND
Nguyên liệu, vật liệu	784.879.956	1.977.784.233
Công cụ, dụng cụ (*)	12.857.365.640	1.374.563.156
	<u>13.642.245.596</u>	<u>3.352.347.389</u>

(*) Công cụ, dụng cụ chủ yếu bao gồm thiết bị và phụ tùng của nhà máy thủy điện Đa Dâng 2.

10 THUẾ PHẢI THU VÀ THUẾ PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(a) Thuế phải thu từ ngân sách Nhà nước

	2016 VND	2015 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	5.488.916.634	19.585.983.919
	<u>5.488.916.634</u>	<u>19.585.983.919</u>

(b) Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước

	2016 VND	2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.559.235.662	1.142.606.409
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.036.617.528	1.307.065.063
Thuế tài nguyên	3.306.104.298	865.819.116
Phí dịch vụ môi trường rừng	3.986.212.420	5.983.309.600
Thuế thu nhập cá nhân	382.353.468	484.647.377
Khác	112.339.398	-
	<u>13.382.862.774</u>	<u>9.783.447.565</u>

(c) Tình hình biến động của các khoản thuế phải thu và phải nộp ngân sách Nhà nước

Tình hình biến động của các khoản thuế phải thu từ ngân sách Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2016 VND	Số phải thu VND	Số đã cần trừ VND	Số đã hoàn VND	Tại ngày 31.12.2016 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	19.585.983.919	3.967.010.378	(7.779.644.765)	(10.284.432.898)	5.488.916.634
	<u>19.585.983.919</u>	<u>3.967.010.378</u>	<u>(7.779.644.765)</u>	<u>(10.284.432.898)</u>	<u>5.488.916.634</u>

Mẫu số B 09 – DN

10 THUẾ PHẢI THU VÀ THUẾ PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

(c) Tình hình biến động của các khoản thuế phải thu và phải nộp ngân sách Nhà nước (tiếp theo)

Tình hình biến động của các khoản thuế phải nộp cho ngân sách Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.201	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại ngày 31.12.2016	
	6				
	VND	VND	Số đã cần trừ VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.142.606.409	52.486.479.490	(7.779.644.765)	(42.290.205.472)	3.559.235.662
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.307.065.063	4.093.738.598	-	(3.364.186.133)	2.036.617.528
Thuế tài nguyên (*)	865.819.116	43.330.097.370	(10.284.432.898)	(30.605.379.290)	3.306.104.298
Phí dịch vụ môi trường rừng	5.983.309.600	11.156.569.660	-	(13.153.666.840)	3.986.212.420
Thuế thu nhập cá nhân	484.647.377	3.094.133.710	-	(3.196.427.619)	382.353.468
Khác	-	112.339.398	-	-	112.339.398
	<u>9.783.447.565</u>	<u>114.273.358.226</u>	<u>(18.064.077.663)</u>	<u>(92.609.865.354)</u>	<u>13.382.862.774</u>

(*) Theo Quyết định hoàn thuế số 5315/QĐ-CT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Tổng cục Thuế tỉnh Lâm Đồng, thuế giá trị gia tăng hoàn lại cho dự án ĐamBri được cần trừ với thuế tài nguyên phải nộp với số tiền là 10.284.432.898 Đồng.

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	2.485.836.180.455	617.417.596.419	5.501.786.831	632.957.221	3.109.388.520.926
Mua trong năm	-	608.793.510	-	-	608.793.510
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 12)	9.831.902.625	9.021.535.465	37.876.280	52.766.817	18.944.081.187
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(620.258.053)	(64.249.200)	(684.507.253)
Điều chỉnh lại nguyên giá theo báo cáo quyết toán dự án hoàn thành Dự án Thủy điện Đa Dâng 2 (*)	(10.531.858.796)	10.531.858.796	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>2.485.136.224.284</u>	<u>637.579.784.190</u>	<u>4.919.405.058</u>	<u>621.474.838</u>	<u>3.128.256.888.370</u>
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	300.163.647.896	200.508.572.650	4.568.659.649	501.886.582	505.742.766.777
Khấu hao trong năm	115.942.258.506	64.135.213.843	378.471.317	46.645.749	180.502.589.415
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(620.258.053)	(64.249.200)	(684.507.253)
Điều chỉnh lại khấu hao theo báo cáo quyết toán dự án hoàn thành Dự án Thủy điện Đa Dâng 2 (*)	(201.488.269)	201.488.269	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>415.904.418.133</u>	<u>264.845.274.762</u>	<u>4.326.872.913</u>	<u>484.283.131</u>	<u>685.560.848.939</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	<u>2.185.672.532.559</u>	<u>416.909.023.769</u>	<u>933.127.182</u>	<u>131.070.639</u>	<u>2.603.645.754.149</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>2.069.231.806.151</u>	<u>372.734.509.428</u>	<u>592.532.145</u>	<u>137.191.707</u>	<u>2.442.696.039.431</u>

Mẫu số B 09 - DN

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(a) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

(*) Đây là điều chỉnh theo báo cáo quyết toán dự án hoàn thành Dự án Thủy điện Đa Dâng 2 ngày 17 tháng 8 năm 2016 đã được kiểm toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định hữu hình (“TSCĐ”) của Công ty với tổng giá trị còn lại là 2.431.497.651.187 Đồng (2015: 2.598.684.831.414 Đồng) đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngân hàng ngắn hạn và dài hạn của Công ty (Thuyết minh 17).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 3.405.432.428 Đồng (2015: 1.694.093.431 Đồng).

(b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	2.719.863.637	30.000.000	2.749.863.637
Mua trong năm	-	289.400.000	289.400.000
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>2.719.863.637</u>	<u>319.400.000</u>	<u>3.039.263.637</u>
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	-	9.999.996	9.999.996
Khấu hao trong năm	-	15.186.376	15.186.376
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>-</u>	<u>25.186.372</u>	<u>25.186.372</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	2.719.863.637	20.000.004	2.739.863.641
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>2.719.863.637</u>	<u>294.213.628</u>	<u>3.014.077.265</u>

12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày như sau:

	2016 VND	2015 VND
Dự án nhà điều hành Bảo Lộc	-	461.125.623
Khác	17.966.668	174.474.000
	<hr/>	<hr/>
	<u>17.966.668</u>	<u>635.599.623</u>

Mẫu số B 09 - DN

12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (tiếp theo)

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	635.599.623	10.129.038.952
Tăng	19.535.507.222	4.163.845.371
Chuyển sang TSCĐ (Thuyết minh 11(a))	(18.944.081.187)	(10.973.823.746)
Khác	(1.209.058.990)	(2.683.460.954)
Số dư cuối năm	<u>17.966.668</u>	<u>635.599.623</u>

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2016 VND	2015 VND
Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4	12.934.212.620	18.606.018.250
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	-	3.241.620.292
Phải trả bên thứ ba khác	6.047.068.151	11.110.811.045
	<u>18.981.280.771</u>	<u>32.958.449.587</u>

Công ty không có khoản nợ quá hạn nào chưa thanh toán tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Theo Ban Tổng Giám đốc, Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ khoản phải trả người bán ngắn hạn này.

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Khoản phải trả người lao động chủ yếu là tiền lương bổ sung cho công nhân viên.

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2016 VND	2015 VND
Chi phí dự án Nhà máy thủy điện ĐamBri	51.925.344.787	62.741.665.634
Chi phí lãi vay	5.205.950.001	6.296.919.449
Chi phí khác	104.507.673	508.442.845
	<u>57.235.802.461</u>	<u>69.547.027.928</u>

Mẫu số B 09 - DN

16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2016 VND	2015 VND
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 21)	12.501.908.000	10.577.495.200
Phải trả nhân viên	139.771.956	100.736.940
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.999.000	519.181.992
	<u>12.649.678.956</u>	<u>11.197.414.132</u>

17 CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2016 VND	Chuyển từ vay dài hạn VND	Trả nợ vay VND	Tại ngày 31.12.2016 VND
Vay ngân hàng	184.156.003.999	160.156.000.000	(184.156.003.999)	160.156.000.000
	<u>184.156.003.999</u>	<u>160.156.000.000</u>	<u>(184.156.003.999)</u>	<u>160.156.000.000</u>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn:

	Loại tiền	Lãi suất (Hàng năm)	2016 VND	2015 VND	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	(i)	VND	7,5%	58.000.000.000	32.000.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Lâm Đồng	(ii)	VND	6,9%	66.156.000.000	66.156.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	(iii)	VND	8,7%	36.000.000.000	36.000.000.000
Thịnh Vượng	(iv)	VND	8,7%	-	50.000.003.999
			<u>160.156.000.000</u>	<u>184.156.003.999</u>	

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Tại ngày 1.1.2016 VND	Tăng thêm VND	Chuyển sang vay ngắn hạn VND	Tại ngày 31.12.2016 VND
Vay ngân hàng	1.359.827.000.000	-	(160.156.000.000)	1.199.671.000.000
	<u>1.359.827.000.000</u>	<u>-</u>	<u>(160.156.000.000)</u>	<u>1.199.671.000.000</u>

Mẫu số B 09 - DN

17 CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)**

Chi tiết các khoản vay dài hạn:

		Loại tiền	Lãi suất (Hàng năm)	2016 VND	2015 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	(i)	VND	7,5%	791.000.000.000	849.000.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Lâm Đồng	(ii)	VND	6,9%	286.671.000.000	352.827.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế	(iii)	VND	8,7%	122.000.000.000	158.000.000.000
				<u>1.199.671.000.000</u>	<u>1.359.827.000.000</u>

(i) Vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo 2 hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 0043/ĐTDA/13CD ngày 20 tháng 11 năm 2013, hạn mức tín dụng là 260 tỷ Đồng, thời hạn hợp đồng 138 tháng, lãi suất tại thời điểm giải ngân lần đầu tiên là 11,1%/năm, mục đích để thanh toán các khoản chi phí liên quan đến việc thực hiện đầu tư xây dựng dự án, khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng vốn vay. Lần trả nợ gốc đầu tiên được 2 bên ký sau ngày kết thúc thời gian ân hạn (18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên). Theo hợp đồng sửa đổi bổ sung 03-0043/ĐTĐU/13CD ngày 23 tháng 5 năm 2016, lãi suất áp dụng để tính lãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 7,5%/năm.
- Hợp đồng tín dụng số 0028/ĐTDA/14CD ngày 12 tháng 11 năm 2014, hạn mức tín dụng là 633,7 tỷ Đồng, thời hạn hợp đồng 120 tháng, lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi sau do bên cho vay công bố còn hiệu lực tại ngày giải ngân đầu tiên và tại ngày đầu tiên của các kỳ điều chỉnh lãi suất cộng (+) 3,6%/năm, điều chỉnh 3 tháng 1 lần, mục đích để cho vay tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp theo dự án đầu tư thủy điện ĐamBri công suất 75MW, khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng vốn vay. Lần trả nợ gốc đầu tiên sẽ được 2 bên ký sau ngày giải ngân hết tổng số tiền cho vay. Mục đích vay dùng để tái cấu trúc tài chính các khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 02/2008/HĐTĐĐT-NHPT ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng. Theo hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02-0028/ĐTĐU/14CD ngày 23 tháng 5 năm 2016, lãi suất cho vay là 7,5%/năm và sẽ được điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng +1%/năm cho năm thứ 2, và +2,5%/năm cho năm thứ 3 trở đi. Lãi suất áp dụng để tính lãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 7,5%/năm.

(ii) Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng theo hợp đồng tín dụng số 02/2008/HĐTĐĐT-NHPT ngày 17 tháng 4 năm 2008, hạn mức tín dụng là 1.250 tỷ Đồng, thời hạn hợp đồng 13 năm, áp dụng lãi suất vay vốn tín dụng đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà Nước, khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng vốn vay. Hợp đồng sửa đổi hợp đồng tín dụng số 03C/2014/HĐTĐĐT điều chỉnh thời hạn trả nợ gốc thành 89 tháng từ tháng 12 năm 2014. Lãi suất áp dụng để tính lãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 6,9%/năm.

17 CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(iii) Vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 0238/HĐTD-VIB601/15 ngày 15 tháng 6 năm 2015, hạn mức tín dụng là 200 tỷ Đồng, thời hạn hợp đồng là 5 năm, áp dụng lãi suất là 8,7% trong 6 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên và lãi suất sẽ thay đổi bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của khách hàng cá nhân của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng biên độ 2,2%. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng toàn bộ tài sản tại Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2, và dòng tiền thu từ hợp đồng mua bán điện của Nhà máy thủy điện Đasiat và Tổng Công ty Điện lực Miền Trung sẽ phải chuyển qua Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.

(iv) Vay Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng theo hợp đồng tín dụng đầu tư số 212/2013/HDTD/CMB-HCM ngày 16 tháng 12 năm 2013, thời hạn hợp đồng 36 tháng, lãi suất thời điểm giải ngân đầu tiên là 10,9%/năm, điều chỉnh 3 tháng 1 lần (Mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 2,5%), khoản vay được bảo đảm bằng tín chấp. Khoản vay này đã đáo hạn vào ngày 16 tháng 12 năm 2016. Lãi suất trước khi đáo hạn là 8,7%/năm.

18 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	970.111.804	603.083.171
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 20)	7.811.443.650	8.804.504.503
Chi trả trong năm	(7.484.500.036)	(8.437.475.870)
Số dư cuối năm	<u>1.297.055.418</u>	<u>970.111.804</u>

19 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2016 Cổ phiếu phổ thông	2015 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	<u>93.710.200</u>	<u>93.710.200</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>93.710.200</u>	<u>93.710.200</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

19 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 8 ngày 5 tháng 8 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 937.102.000.000 Đồng.

Cơ cấu vốn cổ phần thực tế của Công ty như sau:

	31.12.2016		31.12.2015	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	457.843.580.000	48,86	457.843.580.000	48,86
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu- Nước Giải khát Sài Gòn	-	-	189.507.130.000	20,22
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	99.908.900.000	10,66	-	-
Các cổ đông khác	379.349.520.000	40,48	289.751.290.000	30,92
	<u>937.102.000.000</u>	<u>100</u>	<u>937.102.000.000</u>	<u>100</u>

20 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	937.102.000.000	284.676.258.860	1.221.778.258.860
Lợi nhuận trong năm	-	164.561.091.248	164.561.091.248
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	(8.804.504.503)	(8.804.504.503)
Chia cổ tức	-	(140.565.300.000)	(140.565.300.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>937.102.000.000</u>	<u>299.867.545.605</u>	<u>1.236.969.545.605</u>
Lợi nhuận trong năm	-	98.056.435.513	98.056.435.513
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	(7.811.443.650)	(7.811.443.650)
Chia cổ tức (*)	-	(149.936.320.000)	(149.936.320.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>937.102.000.000</u>	<u>240.176.217.468</u>	<u>1.177.278.217.468</u>

(*) Căn cứ theo Nghị quyết số 24/NQ-CPTĐMN-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2016, Đại Hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án chia cổ tức bằng tiền mặt cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 16% mệnh giá (tương đương với 149.936.320.000 Đồng). Công ty đã thông báo chi quyết toán cổ tức bằng tiền mặt trong tháng 7 năm 2016.

21 CỔ TỨC PHẢI TRẢ

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	10.577.495.200	8.190.190.600
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 20)	149.936.320.000	140.565.300.000
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(148.011.907.200)	(138.177.425.400)
Điều chỉnh khác	-	(570.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm (Thuyết minh 16)	<u>12.501.908.000</u>	<u>10.577.495.200</u>

22 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	2016	2015 (**)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	98.056.435.513	164.561.091.248
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(3.922.257.421)	(7.811.443.650)
	<hr/>	<hr/>
	94.134.178.092	156.749.647.598
	<hr/>	<hr/>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	93.710.200	93.710.200
	<hr/>	<hr/>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>1.005</u>	<u>1.673</u>

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2015 được trình bày lại theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 được phê duyệt bởi Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến cho năm 2016 được tính dựa trên tỷ lệ chia lợi nhuận theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016 của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 24/NQ-CPTĐMN-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2016 và lợi nhuận sau thuế của năm 2016.

22 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2015 được trình bày lại như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2015		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	164.561.091.248	-	164.561.091.248
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(6.582.443.650)	(1.229.000.000)	(7.811.443.650)
	<u>157.978.647.598</u>	<u>(1.229.000.000)</u>	<u>156.749.647.598</u>
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	93.710.200	-	93.710.200
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>1.686</u>	<u>(13)</u>	<u>1.673</u>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) của năm 2015 được tính lại theo số trích quỹ khen thưởng phúc lợi thực tế của năm 2015 được xác định trong năm 2016 theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

23 DOANH THU BÁN HÀNG

	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán điện	<u>512.966.684.108</u>	<u>594.685.477.949</u>

24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2016 VND	2015 VND
Giá vốn điện	<u>274.264.830.344</u>	<u>257.513.888.782</u>

25 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	115.579.596.956	131.829.368.233
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	56.096.064	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	34.257.762	-
	<u>115.669.950.782</u>	<u>131.829.368.233</u>

26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	13.624.261.078	21.701.394.202
Chi phí thuê văn phòng	1.847.579.500	1.897.579.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	460.270.754	687.104.359
Chi phí bằng tiền khác	6.389.408.744	8.103.019.389
	<u>22.321.520.076</u>	<u>32.389.097.450</u>

27 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Ba nhà máy thủy điện của Công ty được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được hưởng ưu đãi thuế theo quy định hiện hành như sau:

- Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2 và Đasiat: thuế suất là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của dự án trong 9 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm đầu tiên hai nhà máy đi vào hoạt động và có thu nhập chịu thuế và được miễn thuế đến năm 2013. Năm 2014 là năm đầu tiên hai nhà máy được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho khoản thu nhập từ dự án.
- Nhà máy thủy điện ĐamBri: thuế suất là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của dự án trong 9 năm tiếp theo. Năm 2014 là năm đầu tiên nhà máy đi vào hoạt động và có thu nhập chịu thuế và được miễn thuế đến năm 2017.

Mẫu số B 09 – DN

27 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (tiếp theo)

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất hiện hành và được thể hiện như sau:

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	102.150.174.111	169.484.370.062
Thuế tính ở thuế suất 10%:	10.215.017.411	16.948.437.006
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	136.725.585	52.067.960
Ưu đãi thuế của các Nhà máy thủy điện	(6.189.641.606)	(12.048.825.447)
Chênh lệch thuế suất giữa các Nhà máy thủy điện và trụ sở chính	(68.362.793)	(28.400.705)
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	<u>4.093.738.598</u>	<u>4.923.278.814</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

28 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.721.292.742	3.559.545.808
Chi phí nhân công	38.832.823.431	35.259.998.166
Chi phí khấu hao tài sản cố định	180.517.775.791	178.354.163.900
Chi phí thuế tài nguyên	43.330.097.370	38.134.885.440
Phí dịch vụ môi trường rừng	11.156.569.660	14.457.318.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.748.423.003	11.242.473.547
Chi phí khác bằng tiền	7.279.368.423	8.894.600.771
	<u>296.586.350.420</u>	<u>289.902.986.232</u>

29 BÁO CÁO BỘ PHẬN**(a) Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty không lập báo cáo theo bộ phận kinh doanh vì Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực sản xuất truyền tải và phân phối điện.

(b) Khu vực địa lý

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý vì hoạt động kinh doanh chỉ diễn ra tại Việt Nam, nơi có:

- Tính tương đồng của các điều kiện kinh tế và chính trị;
- Tính tương đồng của môi trường kinh doanh;
- Rủi ro liên quan tới hoạt động kinh doanh ở Việt Nam là tương đối đồng nhất; và
- Chịu sự chi phối của các quy định kiểm soát ngoại hối và các rủi ro tiền tệ chung của Việt Nam.

Mẫu số B 09 – DN

30 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Các khoản tiền do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng**

Công ty có số dư 1.716.468.748 Đồng tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh bị giới hạn sử dụng để thanh toán khoản phải trả cho nhà cung cấp theo mục đích được nêu trong hợp đồng tín dụng.

31 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

(a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá.

(i) Rủi ro tiền tệ

Việc kinh doanh của Công ty không phải chịu rủi ro trọng yếu từ ngoại tệ vì số dư của tài sản và nợ tài chính bằng ngoại tệ không đáng kể tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

(ii) Rủi ro giá

Trong năm, Công ty không chịu rủi ro về giá chứng khoán do Công ty không phát sinh các khoản giao dịch chứng khoán nào. Công ty cũng không chịu rủi ro trọng yếu về giá của hàng hóa.

(iii) Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất đáng kể đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nếu lãi suất VND tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế trong năm sẽ thấp/cao hơn 11.996.710.000 Đồng do chi phí lãi của các khoản vay này cao/thấp hơn.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Công ty. Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi- phái- sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

31 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**(c) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 2 năm VND	Từ 2 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016				
Phải trả người bán	18.981.280.771	-	-	-
Các khoản vay	160.156.000.000	182.156.000.000	636.468.000.000	381.047.000.000
Các khoản phải trả khác	69.885.481.417	-	-	-
	<u>249.022.762.188</u>	<u>182.156.000.000</u>	<u>636.468.000.000</u>	<u>381.047.000.000</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Phải trả người bán	32.958.449.587	-	-	-
Các khoản vay	184.156.003.999	163.669.000.000	630.468.000.000	565.690.000.000
Các khoản phải trả khác	80.744.442.060	-	-	-
	<u>297.858.895.646</u>	<u>163.669.000.000</u>	<u>630.468.000.000</u>	<u>565.690.000.000</u>

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tổng Công ty Điện lực Miền Nam là cổ đông lớn nhất của Công ty do sở hữu 48,86% vốn cổ phần của Công ty và là công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Doanh thu bán điện

	2016 VND	2015 VND
Công ty Mua Bán Điện	444.772.105.854	523.455.412.812
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	68.194.578.254	71.230.065.137
	<u>512.966.684.108</u>	<u>594.685.477.949</u>

Hai công ty trên thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Mẫu số B 09 - DN

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

ii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

	2016 VND	2015 VND
Lương và các quyền lợi gộp khác	<u>5.473.685.662</u>	<u>4.421.666.307</u>

Khoản chi này bao gồm lương và thưởng cho Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng (trong đó có khoản thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát bằng 5% mức lợi nhuận vượt kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết số 24/NQ-CPTĐMN- ĐHĐCĐ ngày 28/04/2016).

iii) Hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Cổ tức đã trả cho:		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn (*)	30.321.140.800	28.426.069.500
Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam	<u>73.254.972.800</u>	<u>68.676.537.000</u>
	<u>103.576.113.600</u>	<u>97.102.606.500</u>

(*) Cổ tức được Công ty chi trả cho Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn ("Sabeco") trong tháng 7 năm 2016. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Sabeco không còn là bên liên quan của Công ty do đã thoái toàn bộ vốn cổ phần sở hữu trong Công ty từ ngày 22 tháng 9 năm 2016.

iv) Hoạt động khác

	2016 VND	2015 VND
Lãi chậm thanh toán	<u>-</u>	<u>7.420.728.039</u>

Mẫu số B 09 – DN

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan**

	2016 VND	2015 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty Mua Bán Điện	114.552.857.336	88.323.924.357
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	8.757.673.874	15.660.774.671
	<u>123.310.531.210</u>	<u>103.984.699.028</u>

33 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	2016 VND	2015 VND
Dưới 1 năm	67.893.661	148.131.625
Từ 1 đến 5 năm	-	68.305.138
Trên 5 năm	8.061.426.723	8.061.426.723
	<u>8.129.320.384</u>	<u>8.277.863.486</u>

Đây là khoản cam kết cho hợp đồng thuê văn phòng số 05/CT-SHP-AH/DD2 ngày 23 tháng 5 năm 2015 và hợp đồng thuê đất tại nhà máy thủy điện Đasiat số 137/ HĐ-TĐ ngày 15 tháng 8 năm 2011.

Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày ngày 27 tháng 3 năm 2017.

		
<hr/>	<hr/>	<hr/>
Nguyễn Thị Kiều Liên	Nguyễn Thành Tú Anh	Nguyễn Văn Thịnh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc





TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2017

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



NGUYỄN VĂN THỊNH

Tổng Giám đốc

Nguồn sáng của mọi nhà



Trụ sở chính: P.106 lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08-38207795 – **Fax:** 08-38207794

Website: www.shp.vn